

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ với tốc độ không ngừng. Sự phát triển này được biểu hiện rất rõ rệt. Các công ty, xí nghiệp mọc lên rất nhiều với đủ kích thước quy mô lớn nhỏ. Điều này cho thấy đất nước ta đang trên đà phát triển sánh vai cùng các nước anh em trên thị trường thế giới cũng như trong khu vực. Vấn đề đặt ra là các công ty xí nghiệp mọc lên rất nhiều nhưng họ còn gặp rất nhiều hạn chế vướng mắc trong công tác quản lý không chỉ ở các doanh nghiệp lớn.

Trong thời gian vừa qua, tôi đã được thực tập ở công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái. Tôi nhận thấy rằng công ty còn gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác kế toán thuế GTGT mà công tác kế toán thuế là một trong những mối quan tâm hàng đầu của mỗi một doanh nghiệp hiện nay. Kế toán thuế góp phần không nhỏ ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của công ty. Đây luôn là đề tài nóng hổi và chiếm được sự quan tâm lớn của các nhà quản trị.

Xuất phát từ lý do đó, tôi đã chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái nhằm giải quyết những vướng mắc trong công tác kế toán thuế GTGT” làm đề tài nghiên cứu khoa học. Thông qua kết quả nghiên cứu này, tôi hy vọng sẽ góp một phần giúp công ty có thể củng cố lại công tác kế toán thuế GTGT một cách đúng nhất và hiệu quả nhất. Không những thế tôi hi vọng rằng, kết quả nghiên cứu này sẽ trở thành tài liệu tham khảo cho các công ty khác cùng loại và bước đầu sẽ mang lại cho công ty một cách nhìn tổng quan nhất về công tác tổ chức bộ máy kế toán của công ty nói chung đặc biệt là công tác kế toán thuế nói riêng. Đồng thời sẽ rút ra những tồn tại vướng mắc những hạn chế mà công ty còn gặp phải và từ đó nêu lên cách giải quyết.

Tôi hy vọng rằng sản phẩm này sẽ mang lại cho công ty những kết quả tốt đẹp trong việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT.

Như ta đã biết thuế đã phát triển thành một hệ thống bao gồm nhiều luật thuế điều tiết hoạt động nhiều lĩnh vực khác nhau tạo nên khoản thu chủ yếu cho ngân sách. Vậy công tác thuế ở doanh nghiệp tốt đảm bảo cho ngân sách Nhà nước, vì nhận rõ tầm quan trọng trong công tác đó em chọn đề tài: "**Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH một thành viên than Hồng Thái**".

Nội dung của đề tài đề cập đến vấn đề tình hình và phát triển của Công ty, thực tế về

kế toán thuế giá trị gia tăng, nội dung được trình bày cụ thể như sau:

Chương I: Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng.

Chương II: Thực trạng kế toán nghiệp vụ thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH một thành viên than Hồng Thái

Chương III: Hoàn thiện kế toán nghiệp vụ thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái.

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Cô giáo Th.s Đông Thị Nga** và các anh chị trong phòng kế toán Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái, em đã hoàn thành chuyên đề này. Với kiến thức tích lũy còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kế toán Công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

PHẦN I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

I LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GTGT

1. Khái niệm.

GTGT là phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT là loại thuế gián thu đánh vào sự tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ. Thuế này do các nhà sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ nộp, nhưng người tiêu dùng là đối tượng chịu thuế thông qua giá cả hàng hoá và dịch vụ. Về thực chất đây là một loại thuế đánh vào người tiêu dùng.

Thuế GTGT (tiếng anh là Value Added Tax, viết tắt là VAT) là loại thuế ra đời nhằm khắc phục việc đánh thuế trùng lặp của thuế doanh thu, nó chỉ đánh vào giá trị tăng thêm (được thể hiện bằng tiền lương, tiền công, lợi nhuận, lợi tức và các khoản chi phí tài chính khác) của các sản phẩm, dịch vụ tại mỗi công đoạn sản xuất và lưu thông, làm sao để đến cuối chu kỳ sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ thì tổng số thuế thu được ở các công đoạn sẽ khớp với số thuế tính theo giá bán cho người cuối cùng.

Theo nghiên cứu thống kê của ngân hàng thế giới (WB) và quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thì phần lớn các nước trong đó có Việt Nam sau khi áp dụng thuế GTGT, giá cả của các loại hàng hoá dịch vụ đều không thay đổi hay chỉ thay đổi một tỉ lệ không đáng kể và mức sản xuất của doanh nghiệp, mức tiêu dùng của dân chúng không giảm sút, hay chỉ giảm sút tỉ lệ nhỏ trong thời gian đầu, kể cả trường hợp tăng thuế GTGT đối với một số mặt hàng trong định kì điều chỉnh. Như vậy ta có thể kết luận rằng thuế GTGT không phải là một nhân tố gây lạm phát, gây khó khăn trở ngại cho việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá mà trái lại, việc áp dụng thuế GTGT đã góp phần ổn định giá cả, mở rộng lưu thông hàng hoá, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu.

Thuế GTGT có 3 loại hình lớn đó là thuế GTGT về doanh thu, thuế GTGT về tài sản, thuế GTGT về thu nhập.

2. Vai trò của thuế .

✓ Phục vụ định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý (CDCCKT)

CDCCKT bắt nguồn trước hết từ các yếu tố của thị trường, cả mặt tích cực và tiêu cực, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Trong cơ chế thị trường, cùng với các yếu tố thúc đẩy tính năng động, sáng tạo, tăng năng suất, hạ giá thành, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đúng chủ trương của Nhà nước, cũng còn những yếu tố tự phát, cạnh tranh không lành mạnh, chèn ép lẫn nhau, làm cho thị trường mất cân đối, tiềm lực quốc gia không được sử dụng triệt để. Tính tự phát trong cơ chế thị trường đã hạn chế việc xây dựng cơ cấu kinh tế thích hợp. Chính sách thuế với quá trình nghiên cứu, phân tích, xây dựng thận trọng, khoa học, toàn diện sẽ có tác dụng hướng được cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ, từng bước hạn chế khắc phục được tính tự phát, bảo đảm được sự phát triển bền vững của nền kinh tế – xã hội và nâng dần đời sống nhân dân.

Chính sách thuế phải thiết thực, góp phần chuyển được cơ cấu kinh tế cũ, lạc hậu sang cơ cấu kinh tế mới hiện đại, hợp lý và thay đổi được tỷ lệ tương quan giữa các ngành trong GDP, đúng chiến lược phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình CDCCKT phụ thuộc một phần rất lớn vào môi quan hệ cung cầu của thị trường. Có nhu cầu tất yếu đòi hỏi phát triển sản xuất, dịch vụ để đủ cung ứng cho nhu cầu và ngược lại. Mục tiêu của CDCCKT là làm tăng tổng cung gắn với kích cầu để quá trình CDCCKT đạt hiệu quả tốt. Tổng cầu tăng hay giảm phụ thuộc vào nhiều yếu tố liên quan, chủ yếu là thu nhập của các tầng lớp dân cư, giá cả từng loại sản phẩm, cơ cấu hàng hoá trên thị trường.

Phương pháp sử dụng công cụ thuế hợp lý sẽ phát huy vai trò thúc đẩy CDCCKT qua nhiều lĩnh vực, ngành nghề, quy mô, trình độ công nghệ, phát triển nông lâm – ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, xây dựng nông thôn mới... Với một nước đang phát triển như Việt Nam, thuế phải phát huy tác dụng thúc đẩy xây dựng nền công nghiệp qua những bước đi thích hợp, đặc biệt quan tâm đến các ngành trực tiếp phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, thực hiện chuyên môn hoá và liên kết kinh tế giữa các địa phương, xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, tạo điều kiện liên kết được công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn.

Thuế phục vụ định hướng CDCCKT hợp lý, tiến bộ trên cơ sở phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả, bền vững và cơ cấu lao động theo hướng CNH – HĐH, phát huy được các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, tăng sức cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế gắn với nhu cầu thị trường ở trong và ngoài nước, nhu cầu về đời sống nhân dân với an ninh quốc phòng, tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường nước ngoài thông qua chính sách thuế khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu.

✓ **Bảo đảm nguồn thu không ngừng tăng lên của ngân sách nhà nước**

Nhu cầu chi tiêu mọi mặt của NSNN ngày càng tăng, trong đó có phần phục vụ yêu cầu về CDCCKT. Nền tài chính quốc gia lành mạnh phải cơ bản dựa trên sự động viên từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, chủ yếu là thuế. Do đó, hệ thống chính sách thuế phải bao quát được hết các nguồn thu cần thiết và có thể bồi thường, khai thác, động viên NSNN từ mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, mọi nguồn thu nhập cao, mọi khoản tài sản lớn, mọi tiêu dùng đặc biệt là tiêu dùng xa xỉ và các khoản thu nhập phát sinh cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường. Hệ thống chính sách thuế ở ta phải bảo đảm phần lớn tổng số thu NSNN. Qua đó, đáp ứng được mọi nhu cầu chi tiêu thường xuyên, vừa góp phần tích lũy cho xây dựng cơ sở hạ tầng và trả nợ, góp phần giảm bội chi ngân sách, kiềm chế lạm phát.

Mỗi sắc thuế đảm nhiệm một số chức năng mục đích nhất định, hỗ trợ, bổ sung cho nhau để có thể phát huy tác dụng toàn diện về kinh tế – xã hội của cả hệ thống chính sách thuế. Trong từng sắc thuế phải có những quy định rõ ràng, cụ thể về đối tượng đánh thuế, đối tượng chịu thuế, về thuế suất, thuế biểu, về trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế, của cơ quan thuế, về chế độ quản lý, nộp thuế, về chế độ miễn giảm, xử lý vi phạm, khắc phục tình trạng hiệu thế nào cũng đúng, làm thế nào cũng được, tạo sơ hở phát sinh tùy tiện, tiêu cực.

Chính sách động viên về thuế cần có tác dụng bồi dưỡng nguồn thu vững chắc, lâu dài cho NSNN. Cơ cấu thuế suất không quá cao, quá phức tạp, quá khả năng đóng góp, thực hiện của các đối tượng nộp thuế.

Trên cơ sở mở rộng diện đánh thuế và diện nộp thuế, giảm nhẹ thuế suất, giảm bớt trường hợp được xét miễn, giảm theo phương châm “góp gió thành bão” trong điều

kiện kinh tế ở ta phổ biến là phân tán, thu nhập xã hội chưa cao... sẽ tạo được nguồn thu ngày càng lớn. Nguồn thu của NSNN qua thuế chỉ có thể ổn định và tăng lên lâu dài trên cơ sở nền kinh tế phát triển liên tục, bền vững, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và thu nhập quốc dân không ngừng tăng lên.

Yêu cầu tăng thu ngân sách qua hệ thống chính sách thuế phải dựa trên quá trình CDCCKT hợp lý, tiến bộ theo hướng CNH – HĐH gắn với yêu cầu tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng, tăng cường trang thiết bị hiện đại, khắc phục được tham ô, lãng phí, phô trương hình thức, tinh giản biên chế hợp lý trong bộ máy hành chính. Các Mác đã từng viết: “Thuế khoá nặng nề và bộ máy hành chính công kênh, kém hiệu quả là hai khái niệm đồng nghĩa”. Nhân dân có đóng góp nặng nề đến bao nhiêu, mà tham ô, lãng phí xảy ra phổ biến thì cũng chỉ là “gió lùa vào nhà trống”.

✓ **Phục vụ yêu cầu tài trợ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Vai trò tích cực của thuế với quá trình CDCCKT còn có thể được xem xét ở góc độ tài trợ. Đối với các nước đang phát triển. Tài trợ từ thuế được thực hiện bằng phương pháp: trực tiếp hay gián tiếp. Một là, thực hiện các thuế suất đặc biệt, cho miễn giảm thuế nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế có thêm thu nhập để giải quyết yêu cầu CDCCKT theo hướng có lợi cho sự phát triển kinh tế – xã hội. Hai là, qua nguồn thu tăng nhiều từ thuế, Nhà nước có thêm vốn ban đầu cho các cơ sở, địa phương, vùng lãnh thổ có khó khăn trong việc thực hiện các chương trình CDCCKT hoặc tài trợ cho các trường hợp dạy nghề để người lao động có trình độ thấp đáp ứng được yêu cầu phục vụ các ngành cần trình độ kỹ thuật công nghệ cao được hình thành trong CDCCKT, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển nông – lâm – ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn, hỗ trợ lưu thông nguyên, nhiên, vật liệu, tiêu thụ hàng hoá hay xây dựng các công trình thuỷ lợi ở những vùng thường xảy ra hạn hán nhằm nâng cao được năng suất lao động, bảo đảm được an toàn lương thực trong hoàn cảnh diện tích đất sản xuất nông nghiệp càng bị thu hẹp trong quá trình đô thị hoá.

✓ **Thuế góp phần phân bổ lại nguồn lực nhằm thực hiện tốt chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.**

Với việc thiết kế và xây dựng hệ thống chính sách thuế có phân biệt theo ngành,

vùng khác nhau, Nhà nước có thể thúc đẩy phát triển nhiều ngành nghề kinh tế mũi nhọn, then chốt và các vùng kinh tế trọng điểm, góp phần khuyến khích CDCKT theo bước CNH – HĐH.

Thuế gián thu (thuế tiêu dùng, thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế XNK...) là những loại thuế có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến tiêu dùng xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả, thu nhập và quan hệ cung cầu trên thị trường. Thông qua thuế gián thu, Nhà nước có thể chi phối đến việc lựa chọn và quyết định sản xuất “cái gì”, sản xuất “như thế nào”, “sản xuất cho ai...”. Dựa vào công cụ thuế gián thu, Nhà nước có thể thúc đẩy hoặc hạn chế việc tích lũy, đầu tư và tiêu dùng. Từ chính sách thuế phân biệt theo thuế suất cao, thấp khác nhau đối với từng ngành nghề sản xuất kinh doanh, đối với từng sản phẩm, dịch vụ, tùy thuộc vào sự cần thiết của sản xuất và đời sống xã hội, tự nó đã có tác dụng điều chỉnh việc phân bổ lại nguồn vốn đầu tư trong xã hội. Việc áp dụng các hình thức ưu đãi (thuế suất, thời gian miễn giảm thuế...) đối với hàng hoá, dịch vụ phù hợp với hướng CDCKT thường sẽ làm cho giá cả hàng hoá dịch vụ đó giảm xuống. Khi giá cả hàng hoá, dịch vụ giảm thì lượng cầu sẽ tăng lên. Để đáp ứng cho sự gia tăng về cầu hàng hoá, các doanh nghiệp sẽ mở rộng quy mô sản xuất nhằm thu lợi nhuận nhiều hơn. Ngược lại, khi áp dụng thuế suất cao, giá tăng sẽ có giảm sút về cầu, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp sẽ tìm lĩnh vực đầu tư mới để CDCKT với mục đích sản xuất mặt hàng khác có thể tạo lợi nhuận nhiều hơn.

Với hệ thống thuế rõ ràng, ổn định, các nhà đầu tư có thể xác định được hiệu quả đầu tư vốn của mình sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Họ sẽ so sánh, tính toán và lựa chọn lĩnh vực đầu tư vào những ngành, những vùng có lợi nhất. Một chính sách thuế nhiều ưu đãi sẽ thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực cần ưu tiên, khuyến khích, như sản xuất hàng xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu cần thiết mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ nhu cầu, đầu tư vào những vùng có điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội không thuận lợi.

Việc áp dụng chính sách thuế phân biệt giữa các ngành, các khu vực có tác động mạnh mẽ đến việc phân bổ lại nguồn lực trong nền kinh tế (vốn, lực lượng lao động) song tác động đó chỉ có hiệu lực tốt nhất trong một thời hạn nhất định, thích hợp, vì

trong dài hạn, sự ưu đãi hay hạn chế của thuế với các ngành, các khu vực sẽ bị san sẻ do sự di chuyển nhanh nhạy của vốn và lực lượng lao động trong thị trường. Do đó, để phát huy được tốt vai trò của thuế trong hướng dẫn đầu tư, phải xác định được thời gian ưu đãi, miễn giảm thuế thích hợp nhất. Nếu thời gian ưu đãi quá ngắn, khó thu hút được vốn đầu tư do các dự án chưa đủ thời gian vượt qua những khó khăn phải đối đầu, hoạt động kinh doanh chưa đạt được tình trạng bình thường. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện nghĩa vụ thuế sẽ làm cho tình hình tài chính của doanh nghiệp trở nên khó khăn. Ngược lại, nếu thời gian ưu đãi thuế quá dài thì sự linh hoạt trong phân bổ nguồn lực của thị trường sẽ triệt tiêu sự ưu đãi đối với khu vực cần khuyến khích, do ưu đãi đó đã san đều cho các khu vực khác trong nền kinh tế. Phân tích này rất có ý nghĩa trong việc sử dụng các điều khoản ưu đãi thuế, đặc biệt là xác định thời gian miễn giảm thuế thích hợp nhằm thực hiện chính sách điều chỉnh, hướng dẫn, thu hút vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh, tái phân bổ vốn đầu tư nhằm thúc đẩy CDCKT. Mỗi sắc thuế sẽ tác động đến lợi ích của các chủ thể đầu tư ở các khía cạnh khác nhau. Do đó, không thể đồng nhất một thời gian miễn giảm thuế như nhau đối với tất cả các sắc thuế, các loại đối tượng khác nhau. Thông thường, các loại thuế trực thu có tác động thiết thực, nhanh, mạnh đến lợi ích của các nhà đầu tư hơn thuế gián thu.

Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế và định hướng CDCKT đã xác định, thông qua việc áp dụng các sắc thuế với các mức thuế suất, thời gian ưu đãi thích hợp cùng những quy định giám sát chặt chẽ, cụ thể, thuế luôn là công cụ hữu hiệu trong việc phân bổ và điều chỉnh lại nguồn lực trong nền kinh tế, góp phần thực hiện CDCKT theo định hướng của Nhà nước trong từng thời kỳ nhất định.

Nói tóm lại, thuế có vai trò quan trọng với quá trình CDCKT, cả về mặt phục vụ yêu cầu chuyển hướng cơ cấu hợp lý, tiến bộ, hiện đại hạn chế tính cạnh tranh không lành mạnh, tính tự phát, tiêu cực của cơ chế thị trường, cả về mặt thúc đẩy CDCKT nhanh chóng có lợi cho quốc kế dân sinh, tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Từ lý luận đến thực tiễn, chính sách thuế mang tính khả thi, đạt hiệu quả cao với CDCKT cần được xây dựng qua quá trình phân tích khoa học, toàn diện thực trạng kinh tế xã hội của cả nước và đặc điểm của từng ngành, từng vùng lãnh thổ, đồng thời dự kiến được những diễn biến phức tạp trong quá trình hội nhập cả về thời cơ và thách

thức. Chính sách thuế cũng cần được xây dựng gắn với chương trình CDCCKT trong từng thời kỳ để có thể thiết thực phát huy vai trò quan trọng của thuế trong lĩnh vực này.

3. Vai trò của thuế GTGT trong việc lưu thông hàng hoá.

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần chuyển dịch từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế Nhà nước cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với tính ưu điểm của thuế GTGT là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất, lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu. Nếu như không có các sự kiện biến động về tài chính, tiền tệ, sản xuất và lưu thông giảm sút, yếu kém, kinh tế suy thoái và các nguyên nhân khác tác động thì việc áp dụng thuế GTGT thay cho thuế doanh thu sẽ không ảnh hưởng gì đến giá cả các sản phẩm tiêu dùng, mà trái lại giá cả càng hợp lý hơn, chính xác hơn vì tránh được thuế chồng lên thuế.

4. Vai trò của thuế GTGT trong quản lý nhà nước về kinh tế.

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau:

- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.
- Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho ngân sách nhà nước.
- Nâng cao được tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người

nộp thuế. Thông thường, trong chế độ kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, cơ quan thuế tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh tự kiểm tra, tính thuế, kê khai và nộp thuế. Từ đó, tạo tâm lý và cơ sở pháp lý cho đơn vị kinh doanh không phải hiệp thương, thỏa thuận về mức doanh thu, mức thuế với cơ quan thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu giữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh từ đó tập trung được nguồn thu thuế giá trị gia tăng vào ngân sách nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế thất thu về thuế.

➤ Thuế tính trên giá bán hàng hoá hoặc giá dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý thu tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.

➤ Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.

➤ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng được thực hiện căn cứ trên hoá đơn mua vào đã thúc đẩy người mua phải đòi hỏi người bán xuất hoá đơn, ghi doanh thu đúng với hoạt động mua bán; khắc phục được tình trạng thông đồng giữa người mua và người bán để trốn lậu thuế. ở khâu bán lẻ thường xảy ra trốn lậu thuế. Người tiêu dùng không cần đòi hỏi hoá đơn, vì đối với họ không còn xảy ra việc khấu trừ thuế. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng, giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.

➤ Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng. Với ít thuế suất, loại thuế này mang tính trung lập, vì về cơ bản không can thiệp sâu vào mục tiêu khuyến khích hay hạn chế sản xuất, kinh doanh dịch vụ, tiêu dùng, theo ngành nghề cụ thể; không gây phức tạp trong việc xem xét từng mặt hàng, ngành nghề có thuế suất chênh lệch nhau nhiều.

➤ Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ; việc tính thuế đầu ra được khấu trừ số thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ

hoá đơn, chứng từ.

➤ Việc khấu trừ thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyến khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.

➤ Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu...góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiên bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, đơn giản, trung lập...Tuy nhiên, trong thời gian đầu áp dụng thuế giá trị gia tăng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và Nhà nước ta đã từng bước tháo gỡ những khó khăn đó

5. Cơ chế hoạt động của thuế GTGT.

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

· Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng, đều chịu thuế như nhau.

· Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với **thuế doanh thu** là chỉ có người bán hàng (hoặc dịch vụ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng (hoặc cung ứng dịch vụ). Còn người bán hàng (hoặc dịch vụ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá (hoặc dịch vụ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm. Nói cách khác, thuế giá trị gia tăng là loại thuế duy nhất thu theo phân đoạn chia nhỏ, trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hoá (hoặc dịch vụ) từ khâu đầu tiên đến người tiêu dùng, khi khép kín một chu kỳ kinh tế. Đến cuối chu kỳ sản xuất, kinh doanh hoặc

cung cấp dịch vụ, tổng số thuế thu được ở các công đoạn sẽ khớp với số thuế tính trên giá bán hàng hoá hoặc giá dịch vụ cho người tiêu dùng cuối cùng.

- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất, kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà chỉ đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào ngân sách nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng. Vì qua từng công đoạn, thuế giá trị gia tăng đã được người bán đưa vào giá hàng hoá, dịch vụ cho nên thuế này được chuyển toàn bộ cho người mua hàng hoá hoặc sử dụng dịch vụ cuối cùng chịu.

Để áp dụng thuế giá trị gia tăng cho đúng đắn, công bằng, có hiệu quả, đáp ứng được chủ trương “góp phần thúc đẩy sản xuất, khuyến khích phát triển nền kinh tế quốc dân, động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng vào ngân sách nhà nước”, cần *phải giải quyết trước hết một số vấn đề sau:*

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh, mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lớn và vừa phải thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn, chứng từ hợp lệ tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, xác định doanh thu tính thuế và khấu trừ thuế đối với từng cơ sở kinh doanh.

- Công tác kế toán doanh nghiệp, nhất là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được hướng dẫn thực hiện thật tốt, đảm bảo được giá thành sản phẩm phản ánh trung thực các chi phí thực tế phát sinh đã cấu tạo ra sản phẩm lưu thông trên thị trường đến tay người tiêu dùng. Hệ thống bán lẻ (các cửa hàng, cửa hiệu, các siêu thị) cũng được hướng dẫn chế độ sổ sách kế toán hợp lệ, thực hiện nghiêm chỉnh và được kiểm tra chặt chẽ. Chỉ số giá cả lên xuống từng thời kỳ phải được quy định rõ để tiến hành điều chỉnh giá bán lẻ, đảm bảo giá trị tăng thêm hợp lý.

- Trình độ cán bộ quản lý thu thuế phải được nâng cao về chế độ hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán, thông thạo về chế độ quản lý, tính thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng. Hơn nữa, khi áp dụng thuế giá trị gia tăng thì vai trò của người thu thuế đồng thời cũng là người trả thuế (thoái thu) và vai trò của người nộp thuế cũng là người thu

thuế (được cơ quan thuế khấu trừ hoặc hoàn lại). Người thu thuế phải có khả năng tính được mức thuế phải thu, mức thuế khấu trừ cho đúng, đủ, kịp thời. Về khả năng thì có thể đào tạo được, nhưng vấn đề quan trọng nhất là người thu thuế nếu kém phẩm chất sẽ có điều kiện để tiêu cực, đó là việc tính mức khấu trừ, mức thoái thu cao hơn mức chính xác, làm thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc khấu trừ không đủ, hoàn thuế chậm trễ làm thiệt hại cho các chủ thể đã chịu thuế trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Đối với người nộp thuế, tất nhiên ngoài khả năng tính toán đầy đủ số thuế mình còn phải nộp sau khi được khấu trừ, còn phải có đầy đủ phẩm chất của một nhà kinh doanh lương thiện xem việc nộp thuế đầy đủ, kịp thời là một nghĩa vụ hợp lý và công bằng.

- Mở rộng diện thanh toán mua bán hàng hoá thông qua các tài khoản ngân hàng, tạo điều kiện cho việc xác định doanh thu bán hàng, làm căn cứ cho việc tính thuế được chính xác.

- Ý thức tự nguyện, tự giác chấp hành các luật thuế của các doanh nghiệp từng bước được nâng lên, gắn liền với việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về thuế.

- Hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện và đưa dần việc thực hiện pháp luật vào nề nếp, kỷ cương, cả trong nhận thức tư tưởng và trong hành động thực tế.

Thuế GTGT là sắc thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp. Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh nhưng chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của mỗi giai đoạn. Tổng số thuế thu được của tất cả các giai đoạn đúng bằng số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao. Thuế GTGT không phải là yếu tố chi phí mà đơn thuần là yếu tố cộng thêm ngoài giá bán của người cung cấp hàng hoá dịch vụ. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế sản phẩm được luân chuyển nhiều hay ít giai đoạn thì tổng số thuế GTGT của tất cả các giai đoạn không thay đổi.

Thuế GTGT là thuế gián thu. Đối tượng nộp thuế GTGT là người cung ứng hàng hoá dịch vụ, người chịu thuế là người tiêu dùng cuối cùng. Thuế GTGT là khoản tiền được cộng vào giá bán hàng hoá, dịch vụ mà người mua phải trả khi mua hàng.

Thuế GTGT là loại thuế có tính chất lũy thoái so với thu nhập. Thuế GTGT đánh vào hàng hoá, dịch vụ, người tiêu dùng hàng hoá dịch vụ là người phải trả khoản thuế đó không phân biệt thu nhập cao hay thấp đều phải trả khoản thuế đó, không phân biệt thu nhập cao hay thấp đều phải trả số thuế như nhau.

Bên cạnh đó, thuế GTGT có thuộc tính lãnh thổ quốc gia. Đối tượng chịu thuế là người tiêu dùng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Thuế GTGT được quy định phục vụ chính sách phát triển kinh tế và chính sách thuế Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiên bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, đơn giản, trung lập... Tuy nhiên, trong thời gian đầu áp dụng thuế giá trị gia tăng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và Nhà nước ta đã từng bước tháo gỡ những khó khăn đó trong quá trình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng.

II Các quy định của thuế giá trị gia tăng

1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2. Người nộp thuế.

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu).

3. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng bao gồm:

Ngày 10-12-2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT. Theo nội dung Nghị định, có 28 đối tượng thuộc diện

không chịu thuế GTGT kể từ ngày 1-1-2004.

Các đối tượng thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng tập trung vào các loại sản phẩm, dịch vụ: sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc mới qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, trực tiếp đánh bắt; sản phẩm là giống vật nuôi, cây trồng; sản phẩm muối; thiết bị máy móc phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp...; nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê và chuyển quyền sử dụng đất.

Dịch vụ tín dụng và quỹ đầu tư bao gồm: hoạt động cho vay vốn, bảo lãnh cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá, cho thuê tài chính của các tổ chức tài chính, tín dụng tại Việt Nam, các hoạt động chuyển nhượng vốn và hoạt động kinh doanh chứng khoán... cũng thuộc diện không chịu thuế GTGT. Các loại hình bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và các loại bảo hiểm không nhằm mục đích kinh doanh cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Ngoài ra, một số dịch vụ, hoạt động thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa - xã hội, thể thao, giáo dục - đào tạo, truyền thông, giao thông vận tải... cũng nằm trong diện không chịu thuế GTGT.

Đối với hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau thuộc diện không chịu thuế GTGT: hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức; quà tặng cho cá nhân ở Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ, đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng hóa bán cho các tổ chức quốc tế, người nước ngoài để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam...

Nghị định cũng quy định mức thuế suất thuế GTGT của các loại hàng hóa, dịch vụ, theo đó các loại hàng hóa, dịch vụ được hưởng mức thuế suất 0% là: hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, kể cả hàng gia công xuất khẩu, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT xuất khẩu; dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ đã được cung cấp trực tiếp cho tổ

chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam; hàng hóa xuất khẩu bao gồm hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, hàng hóa xuất khẩu vào khu chế xuất hoặc hàng hóa xuất khẩu cho doanh nghiệp chế xuất và trường hợp cụ thể khác được coi là xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

4. Căn cứ và phương pháp tính thuế.

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

4.1. Giá tính thuế được quy định như sau:

a) Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu;

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này;

d) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;

Trường hợp thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được để cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuê phải trả cho nước ngoài;

đ) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hoá đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm;

e) Đối với gia công hàng hoá là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng;

g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây

dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;

h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;

i) Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hoá và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng;

k) Đối với hàng hoá, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\frac{\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng}}{\text{Giá thanh toán}} = \frac{1}{1 + \text{thuế suất của hàng hoá, dịch vụ (\%)}}$$

Giá tính thuế đối với hàng hoá, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

4.2. Thuế suất .

4.2.1. Mức thuế suất 0%:

Áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp chuyên giao công nghệ, chuyên nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ cấp tín dụng, chuyên nhượng vốn, dịch vụ tài chính phái sinh; dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này.

4.2.2. Mức thuế suất 5%:

Áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ sau đây:

a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt;

- b) Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;
- c) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;
- d) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
- đ) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;
- e) Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá;
- g) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;
- h) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn;
- i) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo;
- k) Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu;
- l) Thiết bị, dụng cụ y tế; bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;
- m) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học;
- n) Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;
- o) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 15 Điều 5 của Luật này;
- p) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

4.2.3. Mức thuế suất 10% :

Hàng hoá dịch vụ thông thường còn lại

III, Phương pháp tính thuế

Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng gồm phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

1. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

1.1. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được quy định như sau:

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng;

b) Giá trị gia tăng được xác định bằng giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ sở kinh doanh và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kê toán, hoá đơn, chứng từ;

b) Hoạt động mua bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

1.3. Xác định thuế GTGT phải nộp

Vừa qua, Tổng cục Thuế nhận được phản ánh của một số đơn vị (kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ) về việc cơ quan Thuế ra Quyết định truy thu thuế GTGT đối với cả trường hợp số thuế GTGT phải nộp (sau kiểm tra) là số âm (tức số thuế GTGT đầu ra nhỏ hơn số thuế GTGT đầu vào). Cụ thể như sau:

Số liệu của biên bản thanh tra quyết toán năm của cơ quan thuế tại doanh nghiệp X:

Theo biên bản kiểm tra, cục thuế đã xử lý truy thu 349.116.429đ. Tại thời điểm

kiểm tra đơn vị chưa được giải quyết hoàn thuế GTGT là 588.800.226đ (theo số báo cáo).

	Số báo cáo của doanh nghiệp	Số kiểm tra của cơ quan thuế	Chênh lệch
- Thuế GTGT đầu ra	4.841.236.068đ	4.841.236.068đ	
- Thuế GTGT đầu vào kỳ này	5.430.036.294đ	5.080.219.865đ	-349.816.429đ
- Thuế GTGT phải nộp	-588.800.226đ	-238.983.797đ	+349.816.429đ

Theo biên bản kiểm tra, cục thuế đã xử lý truy thu 349.816.429đ tại thời điểm kiểm tra đơn vị chưa được giải quyết hoàn thuế GTGT 588.800.226đ.

Căn cứ quy định tại Luật thuế GTGT và các văn bản pháp quy hiện hành, thì: cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế chỉ phải nộp thuế GTGT khi thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế đầu vào.

Để thực hiện thống nhất, việc xác định số thuế GTGT phải nộp tăng thêm (truy thu), số thuế GTGT được khấu trừ, Tổng cục Thuế hướng dẫn cục thể như sau:

- **Trường hợp 1:** Nếu tại thời điểm thanh tra, kiểm tra đơn vị chưa được xử lý cho hoàn thuế thì cơ quan thuế chỉ thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của doanh nghiệp mà không truy thu theo số chênh lệch giữa số thuế GTGT phải nộp theo cột số kiểm tra (theo ví dụ trên không truy thu 349.816.429đ). Cột số kiểm tra thuế GTGT phải nộp (-238.938.797đ) sẽ được chuyển sang kỳ sau khấu trừ tiếp.

- **Trường hợp 2:** Nếu tại thời điểm thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế doanh nghiệp đã được cơ quan Thuế giải quyết hoàn thuế, thì cơ quan Thuế thực hiện truy thu số thuế GTGT kê khai chưa đúng. Số thuế GTGT phải truy thu bằng số thuế GTGT phải nộp (cột kiểm tra) trừ đi cột báo cáo (theo ví dụ trên, số truy thu sẽ là 349.816.429đ).

- **Trường hợp 3:** Giả định số GTGT phải nộp sau kiểm tra của cơ quan Thuế là số dương: 100.000.000đ, số báo cáo của doanh nghiệp là số âm: -588.800.226đ, số thuế GTGT bị truy thu là số kiểm tra của cơ quan Thuế: 100.000.000đ. Đồng thời, cơ quan Thuế phải thực hiện xử phạt theo quy định hiện hành.

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT

của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng,

bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hoá, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

2. Phương pháp khấu trừ thuế

2.1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;
- b) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng;
- c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

2.3 Công thức xác định :

Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - thuế đầu vào được khấu trừ

a. Số thuế giá trị gia tăng đầu ra

Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.

Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là đã có thuế GTGT thì thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ (-) giá tính thuế quy định tại điểm 1.10 mục II phần này.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá

thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.

Cơ sở kinh doanh phải chấp hành chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và hướng dẫn tại Mục IV, Phần B Thông tư này. Trường hợp hoá đơn ghi sai mức thuế suất thuế giá trị gia tăng mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì xử lý như sau:

Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ: Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hoá đơn cao hơn thuế suất đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo thuế suất đã ghi trên hoá đơn; Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hoá đơn thấp hơn thuế suất đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo thuế suất thuế GTGT quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT.

b. Thuế đầu vào được khấu trừ

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng => chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn ... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản

xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .

- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ

$$\Rightarrow \text{Số thuế GTGT} = \text{Tổng số thuế GTGT} \times \text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT}$$

2.3. Điều kiện khấu trừ thuế :

* Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123 về điều kiện khấu trừ thuế GTGT:

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh

vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.

Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

c) Đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu hoặc uỷ thác gia công hàng hoá xuất khẩu, hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật; đối với hàng hoá xuất khẩu phải có tờ khai hải quan.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được thanh toán dưới hình thức bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước thì cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng.

IV Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế

1, Kê khai thuế:

- Cơ sở kinh doanh tự tính và kê khai thuế GTGT hàng tháng theo mẫu tờ khai do Bộ Tài Chính ban hành.

- CSKD không phải gửi các bảng kê hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra kèm theo tờ khai thuế GTGT.

- Thời hạn nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế là ngày 25 của tháng tiếp theo. Ngày nộp tờ khai được xác định là ngày bưu điện đóng dấu gửi đi (đối với trường hợp

gửi tờ khai qua bưu điện) hoặc là ngày cơ sở kinh doanh nộp tờ khai trực tiếp tại cơ quan thuế.

2, Nộp thuế:

- Hàng tháng, cơ sở kinh doanh nộp tiền thuế GTGT vào ngân sách nhà nước theo số đã kê khai. Thời hạn nộp thuế GTGT chậm nhất không quá thời hạn nộp tờ khai thuế của tháng kê khai (ngày 25 của tháng tiếp theo). Đối với những CSKD nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng, tổ chức tín dụng khác thì ngày nộp thuế vào ngân sách nhà nước được xác định là ngày ngân hàng, tổ chức tín dụng ký nhận trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; đối với CSKD nộp thuế bằng tiền mặt thì ngày nộp thuế vào ngân sách nhà nước được xác định là ngày cơ quan kho bạc nhận tiền thuế.

3. Hoàn thuế

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

V. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế

1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

2. Nhiệm vụ kế toán thuế giá trị gia tăng

2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung :

a. Trách nhiệm

- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.

- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn thế để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyền không để hư hỏng thất thoát.
- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biệt thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn (mở sổ giao và ký nhận).

- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

b. Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định khác có liên quan đến thuế.

c. Môi liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.
- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

2.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng :

✓ Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

✓ Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

- + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

✓ Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

✓ Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kê toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có...để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kê toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

VI Phương pháp kê toán thuế giá trị gia tăng.

1. Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong kê toán thuế GTGT gồm có:

- ✓ Hoá đơn GTGT
- ✓ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- ✓ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra
- ✓ Tờ khai thuế GTGT
- ✓ Quyết toán thuế GTGT

.....

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

2. Tài khoản kế toán

Kê toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

2.1 Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

* Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT đầu vào bằng (=) Tổng số thuế GTGT ghi trên Hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng

hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, số thuế GTGT ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng hoá nhập khẩu, hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phí nước ngoài theo quy định của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Kết cấu :

Nợ	TK133	Có
SPS tăng: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ.		SPS giảm: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ: - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT
SDCK:- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.		

*** Nguyên tắc hạch toán**

a. Tài khoản 133 chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, không áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng hoá dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

b. Đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

Trường hợp không thể hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán vào Tài khoản 133. Cuối kỳ, kế toán phải xác định số thuế GTGT được khấu

trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá vốn của hàng bán ra hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Trường hợp số thuế GTGT không được khấu trừ có giá trị lớn thì tính vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ tương ứng với doanh thu trong kỳ, số còn lại được tính vào giá vốn hàng bán ra của kỳ kế toán sau.

c. Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hoá, dịch vụ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, dùng vào hoạt động sự nghiệp, hoặc thực hiện dự án được trang trải bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án, hoặc dùng vào hoạt động phúc lợi, khen thưởng được trang trải bằng quỹ phúc lợi, khen thưởng của doanh nghiệp thì số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ và không hạch toán vào Tài khoản 133. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá trị của vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ mua vào.

d. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào được dùng chứng từ đặc thù (như tem bưu điện, vé cước vận tải, . . .) ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì doanh nghiệp được căn cứ vào giá hàng hoá, dịch vụ mua vào đã có thuế GTGT để xác định giá không có thuế và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ .

e. Đối với cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp xuất khẩu sản phẩm do mình trực tiếp nuôi, trồng, đánh bắt khai thác, thì chỉ được khấu trừ thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng trực tiếp cho giai đoạn khai thác.

f. Hàng hoá mua vào bị thò thất do thiên tai, hoả hoạn, bị mất, xác định do trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được tính vào số thuế GTGT đầu vào và được khấu trừ khi kê khai thuế GTGT phải nộp.

g. Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định thuế GTGT phải nộp của tháng đó. Nếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào bằng (=) số thuế GTGT đầu ra của tháng đó, số thuế GTGT đầu vào còn lại được khấu trừ tiếp vào kỳ tính thuế sau hoặc được xét hoàn thuế theo quy định của Luật thuế GTGT.

Trường hợp Hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua và phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng thì được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp sau theo quy định của Luật thuế GTGT.

h. Văn phòng Tổng công ty không trực tiếp hoạt động kinh doanh không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì không được khấu trừ hay hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Trường hợp Văn phòng Tổng công ty có hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải đăng ký, kê khai nộp thuế GTGT riêng cho các hoạt động này.

i. Đối với doanh nghiệp kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT được chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, được khấu trừ thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào phát sinh kể từ tháng được áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế; đối với hàng hoá, dịch vụ mua và trước tháng được áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế thì không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

j. Theo luật thuế GTGT thì căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên Hóa đơn GTGT khi mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài theo quy định. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào không có Hóa đơn GTGT hoặc có Hóa đơn GTGT nhưng không đúng quy định của pháp luật thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp Hoá đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng Hoá đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT); không ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán; hoá đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hoá đơn bị tẩy xoá, hoá đơn không (không bán hàng hoá, dịch vụ); hoá đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực tế của hàng hoá, dịch vụ đã bán thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế của quá trình mua sắm bất động sản đầu tư.

*** Nguyên tắc hạch toán:**

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trong hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

2.2 Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp.

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Kết cấu :

Nợ	TK 3331	Có
SPS giảm: Khấu trừ thuế GTGT - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN. - Số thuế GTGT		SPS tăng: Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ
SDCK: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách		SDCK: Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ

TK 3331 có 2 TK cấp III:

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

* Nguyên tắc hạch toán:

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế

3. Trình tự kế toán

3.1 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:

3.1.1.Kế toán thuế GTGT đầu vào:

a. Khi mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ,

mua bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhập kho, chi phí thu mua, vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, . . . từ nơi mua về đến nơi doanh nghiệp theo giá thực tế bao gồm giá mua chưa có thuế GTGT đầu vào và phản ánh thuế GTGT được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Nợ TK 217 - Bất động sản đầu tư

Nợ TK 611 - Mua hàng

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)

Có các TK 111, 112, 331, . . . (Tổng giá thanh toán).

b. Khi mua vật tư, hàng hoá, công cụ, dịch vụ dùng ngay vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, sửa chữa TSCĐ, đầu tư XD CB thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hoá, dịch vụ tính vào chi phí theo giá mua chưa có thuế GTGT, và phản ánh thuế GTGT đầu vào, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642, 241, 142, 242, . . . (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111, 112, 331, . . . (Tổng giá thanh toán).

c. Khi mua hàng hoá giao bán ngay (Thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) cho khách hàng (Không qua nhập kho), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 331, . . . (Tổng giá thanh toán)

d. Khi nhập khẩu vật tư, hàng hoá, TSCĐ, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hoá, TSCĐ nhập khẩu bao gồm tổng số tiền phải thanh toán cho người bán (Theo tỷ giá giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân

hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế), thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp (nếu có), chi phí vận chuyển, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá chưa có thuế GTGT hàng nhập khẩu)

Nợ TK 156 - Hàng hoá (Giá chưa có thuế GTGT hàng nhập khẩu)

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Giá chưa có thuế GTGT hàng nhập khẩu)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3332, 3333)

Có TK 111, 112, 331, . . .

Riêng đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu phản ánh như sau:

- Nếu hàng hoá nhập khẩu dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT của hàng nhập khẩu sẽ được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312).

- Nếu hàng hóa nhập khẩu dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, hoặc dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án, hoạt động văn hóa, phúc lợi. . . được trang trải bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án hoặc quỹ khen thưởng, phúc lợi thì thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu được tính vào giá trị vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế GTGT và thuế nhập khẩu)

Nợ TK 156 - Hàng hoá (Giá có thuế GTGT và thuế nhập khẩu)

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Giá có thuế GTGT và thuế nhập khẩu)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312).

e. Trường hợp hàng đã mua và đã trả lại hoặc hàng đã mua được giảm giá do kém, mất phẩm chất thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, căn cứ vào chứng từ xuất hàng trả lại cho bên bán và các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh giá trị hàng đã mua và đã trả lại cho người bán hoặc hàng đã mua được giảm giá, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ ghi:

Nợ TK 111, 112, 331 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Thuế GTGT đầu vào của hàng mua trả lại hoặc được giảm giá)

Có các TK 152, 153, 156, 211,.. . (Giá mua chưa có thuế GTGT).

f. Đối với vật tư, hàng hoá, dịch vụ, TSCĐ mua về dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng doanh nghiệp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

* Khi mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, ghi:

Nợ TK các 152, 153, 156, 211, 213 (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Thuế GTGT đầu vào)

Có TK 111, 112, 331,.. .

* Cuối kỳ, kế toán tính và xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, không được khấu trừ trên cơ sở phân bổ theo tỷ lệ doanh thu. Số thuế GTGT đầu vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Đối với số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ trong kỳ sẽ phản ánh như sau:

+ Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ trong kỳ, tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

+ Trường hợp số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ có giá trị lớn được tính vào giá vốn hàng bán ra của các kỳ kế toán sau, kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ trong kỳ tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán sau, ghi:

Nợ TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn; hoặc

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

Định kỳ, khi tính số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán sau, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 142, 242,.. .

g. Khi mua TSCĐ có Hoá đơn GTGT dùng chung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT, kế toán phản ánh giá trị TSCĐ theo giá mua chưa có thuế GTGT, thuế GTGT đầu vào được phản ánh vào bên Nợ TK 133 để cuối kỳ kế toán tính và xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trên cơ sở tỷ lệ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332).

- Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được hạch toán vào các tài khoản tập hợp chi phí có liên quan đến việc sử dụng TSCĐ:

+ Trường hợp số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ lớn phải phân bổ dần, ghi:

Nợ TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn; hoặc

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332).

+ Định kỳ, khi phân bổ số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tính vào chi phí, ghi:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, . . .

Có TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn; hoặc

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Nếu phân bổ dài hạn).

+ Trường hợp số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, . . .

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332).

h. Vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hoả hoạn, bị mất, xác định do trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này không được tính vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi kê khai thuế GTGT phải nộp:

- Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào bị tổn thất chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332).

- Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào bị tổn thất khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền về số thu bồi thường của các tổ chức, cá nhân, ghi:

Nợ các TK 111, 334, . . . (Số thu bồi thường)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Nếu được tính vào chi phí)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu xác định được nguyên nhân và có quyết định xử lý ngay).

i. Đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào để xuất khẩu được khấu trừ, hoặc thuế GTGT đầu vào khi đảm bảo có đủ điều kiện, thủ tục và hồ sơ để khấu trừ hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định hiện hành:

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh khi mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ, TSCĐ liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ được khấu trừ, hoàn thuế theo chế độ quy định được kế toán như trường hợp mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ, TSCĐ trong nước (Xem hướng dẫn ở mục 1, 2, 3).

- Khi hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu (nếu có), ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

ị. Cuối tháng, kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào số thuế GTGT đầu ra khi xác định số thuế GTGT phải nộp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

k. Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế mà thường xuyên có số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoàn lại thuế GTGT theo quy định của luật thuế. Khi nhận được tiền NSNN thanh toán về số tiền thuế GTGT đầu vào được hoàn lại, ghi:

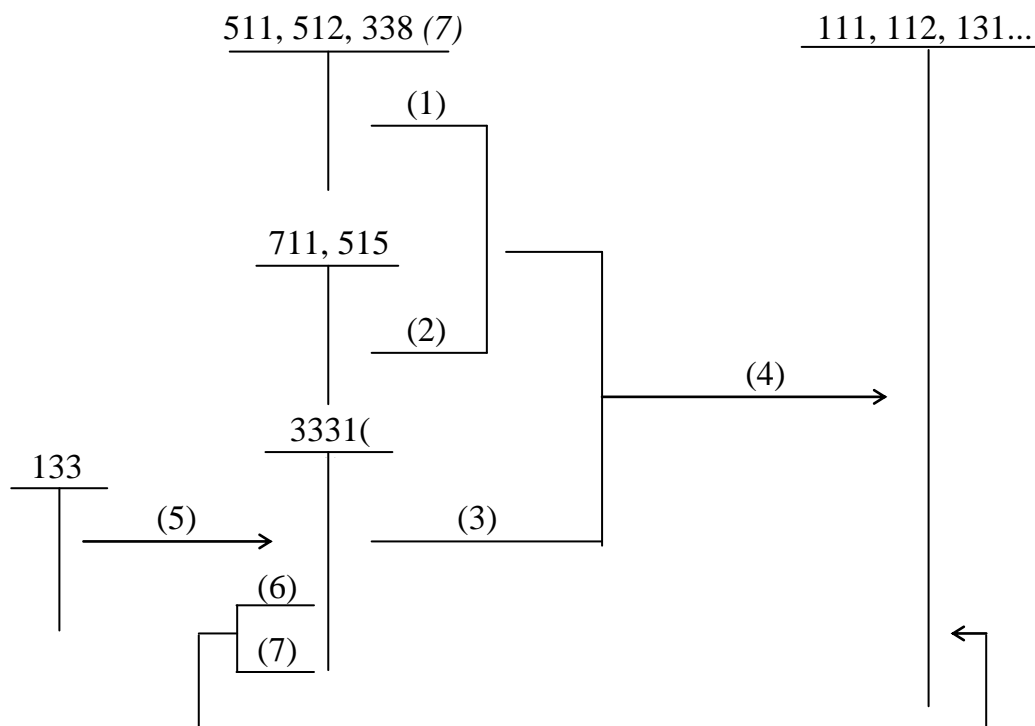
Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332).

3.1.2. Kế toán thuế GTGT phải nộp.

Kế toán thuế GTGT đầu ra (TK 3331)

Quá trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2) Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3) Thuế GTGT đầu ra.
- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Khấu trừ thuế GTGT.
- (6) Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7) Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

Cuối kỳ, kế toán tính, xác định số thuế GTGT được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT phải nộp trong kỳ:

- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ được chuyển trừ vào số thuế GTGT đầu ra, ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (3331)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

- Số thuế GTGT thực nộp vào NSNN, khi nộp ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (3331)

Có các TK 111, 112, . . .

Kế toán thuế GTGT được giảm, trừ

a. Nếu số thuế GTGT được giảm, được trừ vào số thuế GTGT phải nộp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (3331)

Có TK 711 - Thu nhập khác.

b. Nếu số thuế GTGT được giảm, được NSNN trả lại bằng tiền, ghi:

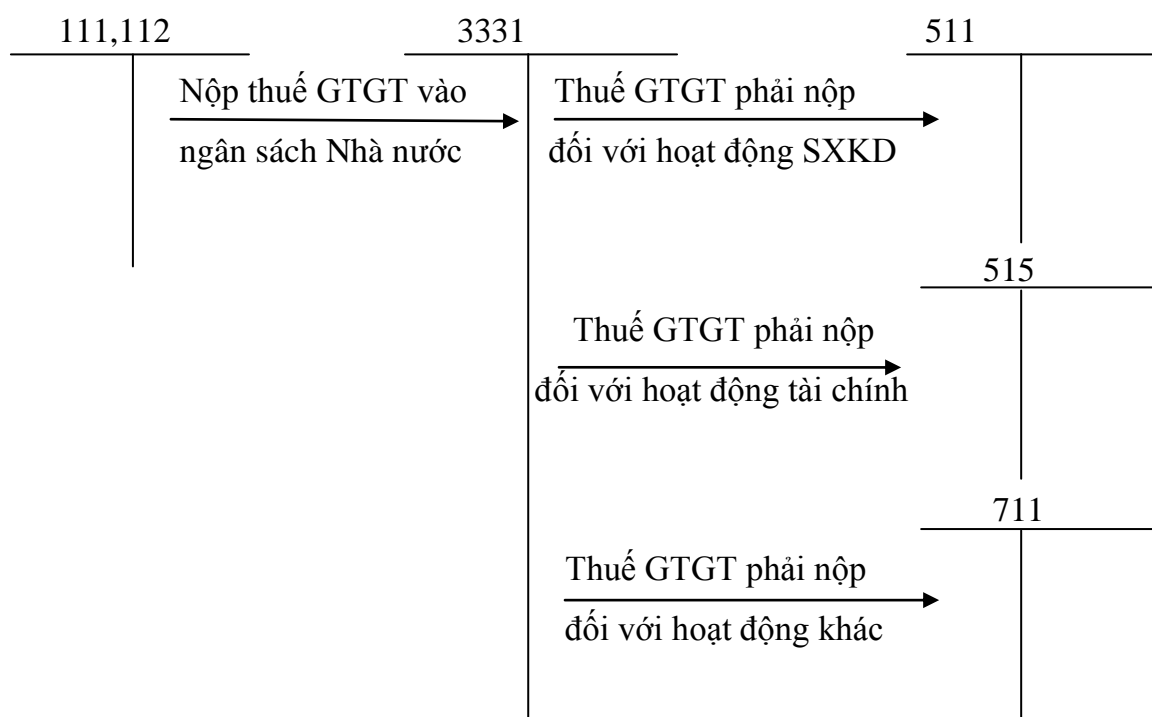
Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

3.1.2 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

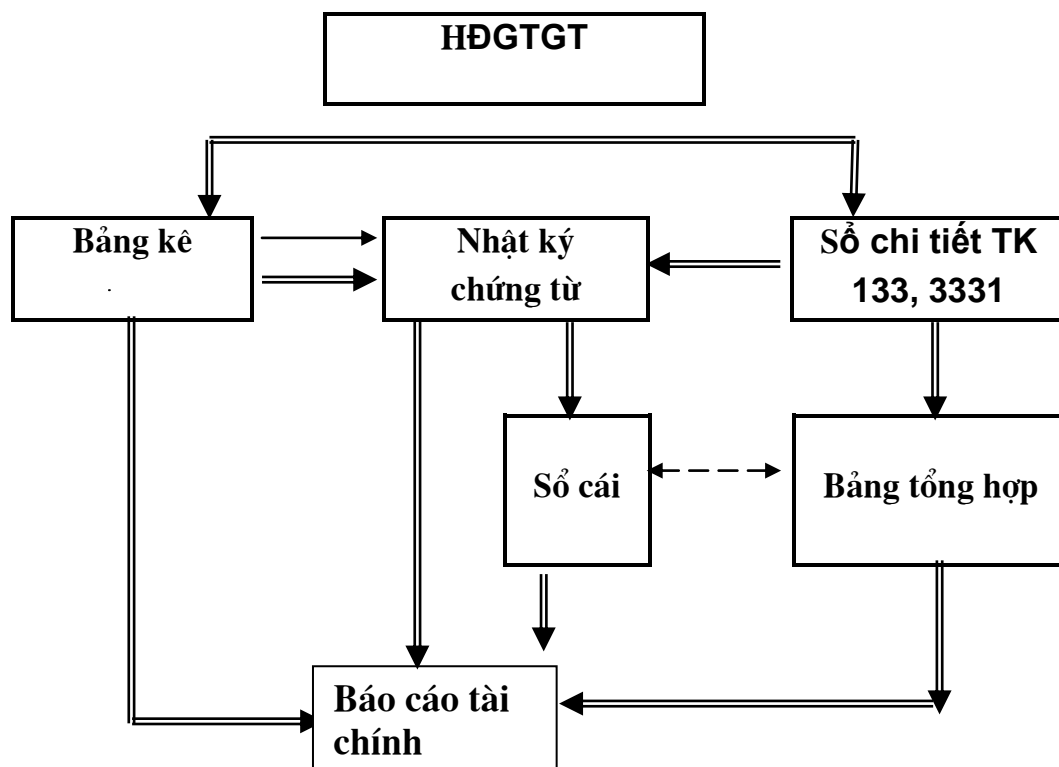
Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ :



4. Tổ chức sổ kế toán:

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế giá trị gia tăng cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Đối chiếu, kiểm tra

Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI

I. Khái quát về Công ty TNHH một thành viên than Hồng Thái.

1. Giới thiệu về công ty :

Thực hiện nghị định số 563/TTG ngày 10 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng chính phủ thành lập Tổng công ty than và nghị định số 27/CP ngày 6 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Căn cứ vào nghị quyết số 42/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 10 năm 2001 của HĐQT Tổng công ty đã quyết định đổi tên Mỏ than Hồng Thái - Doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc Công ty than Uông Bí thành Xí nghiệp than Hồng Thái kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2001.

Đến ngày 15 tháng 5 năm 2006 Mỏ than Hồng Thái được đổi tên thành Công ty than Hồng Thái. Công ty than Hồng Thái là đơn vị kinh tế có trách nhiệm đầy đủ, hạch toán độc lập, có tài khoản riêng và mã số thuế riêng tại ngân hàng Công ty than Uông Bí.

Qua 40 năm hình thành và phát triển, trải qua bao khó khăn thăng trầm trong nền kinh tế thị trường Công ty than Hồng Thái đã dần chiếm được chỗ đứng trên thị trường.

2. Vài nét tóm tắt về công ty :

Tên Doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV Than Hồng Thái - TKV

Địa chỉ : Xã Phương Đông – Uông Bí – Quảng Ninh

Điện thoại : 0333.854490 – FAX : 0333.854314

Công ty TNHH 1 thành viên than Hồng Thái – Trụ sở chính nằm cạnh đường Quốc lộ số 18 khoảng 800 m về phía bắc, cạnh khu du lịch Hồ Yên Trung.

3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty :

Công ty Than Hồng Thái là đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Công ty Than Uông Bí, trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than và khoáng sản Việt Nam. Công ty có nhiệm vụ chủ yếu là khai thác than hầm lò, cung cấp sản phẩm cho nền kinh tế quốc dân, quản lý tốt tài nguyên, ranh giới Công ty được giao, bảo vệ môi sinh, môi trường khai thác.

4. Tổ chức nhân sự:

Với số lượng hiện có trong danh sách của Công ty là 2556 người. Chất lượng

công nhân kỹ thuật t-ơng đối đảm bảo, công nhân có tay nghề t-ơng đối đōng. Tuổi đời từ 35 trở lại chiếm tỷ trọng lớn.

5. Tổ chức bộ máy quản lý :

Bộ máy quản lý của Công ty đ-ợc tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng, tức là tổ chức quản lý theo một cấp, thể hiện ở các nhà máy không hạch toán kinh tế, chỉ thực hiện việc ghi chép ban đầu, mọi công việc hạch toán đều do phòng kế toán đảm nhận.

Bộ máy của Công ty gồm :

01 Giám đốc Công ty

05 Phó Giám đốc

Trong đó: 01 phó giám đốc phụ trách sản xuất

01 phó giám đốc phụ trách kỹ thuật

01 phó giám đốc phụ trách an toàn

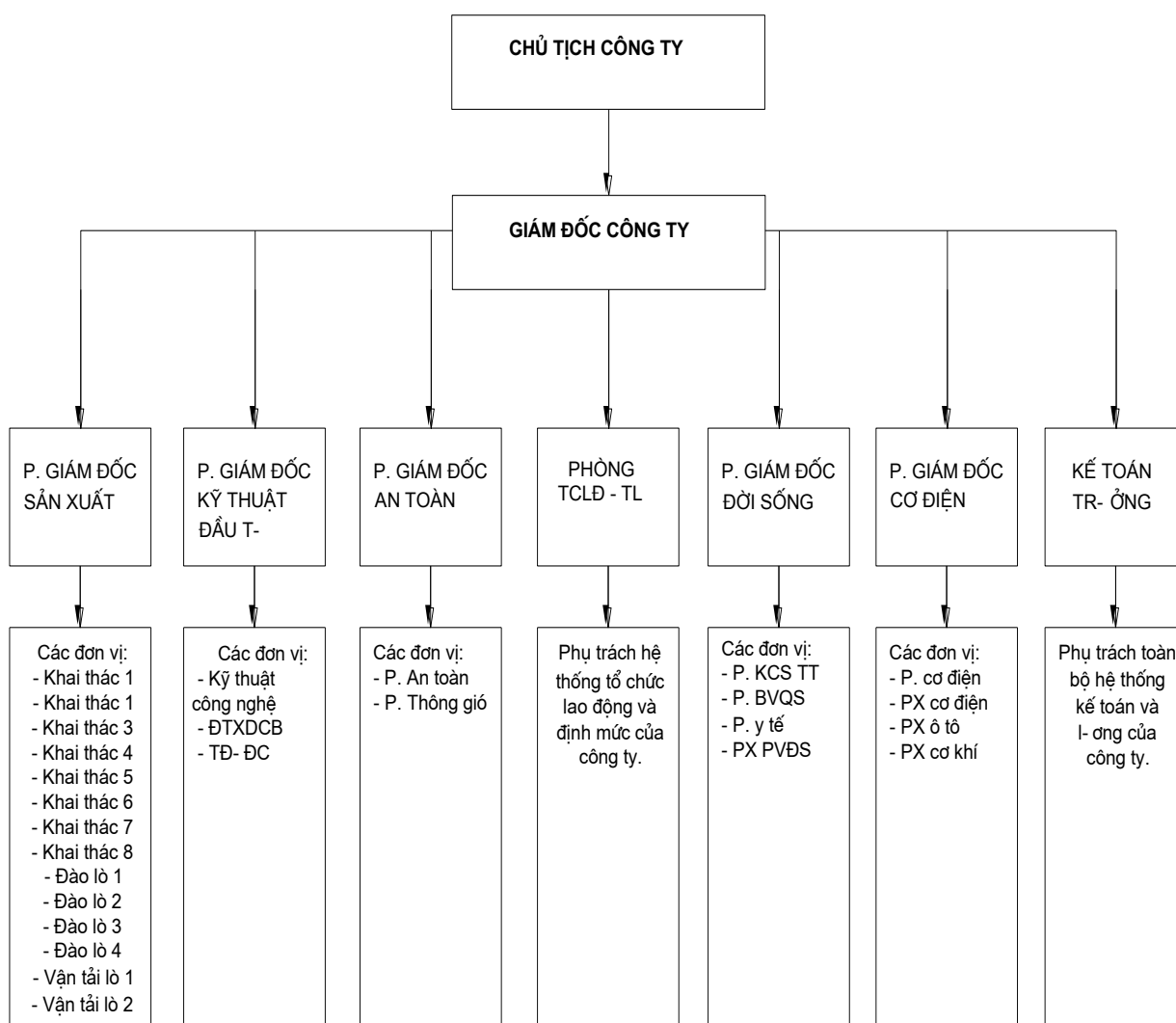
01 phó giám đốc phụ trách đời sống

01 phó giám đốc phụ trách Cơ điện

13 Phòng ban chuyên môn

14 Phân x-ởng sản xuất chính và phụ trợ.

Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty



*** Giám đốc Công ty:**

Phụ trách chung mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm tr- ớc Công ty than Uông Bí và Nhà n- ớc về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty , trực tiếp phụ trách các công tác sau: Đối nội, đối ngoại, đầu t- và phát triển Công ty; Kế hoạch vật t- , hợp đồng kinh tế, Chủ tịch hội đồng giá, hội đồng tuyển dụng lao động, hội đồng xét nâng l- ợng, hội đồng xét khen th- ờng, kỷ luật cấp tr- ờng các đơn vị...

*** Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật:**

Trực tiếp phụ trách các đơn vị: Phòng Đầu t- xây dựng cơ bản ; Phòng kỹ thuật công nghệ...

*** Phó giám đốc phụ trách điều hành sản xuất:**

Giúp giám đốc Công ty quản lý và chỉ đạo các công tác sau:

Sản xuất than, đào lò, tận thu than tại các khai tr-ờng; Nghiệm thu sản phẩm hàng tháng các đơn vị...

Trực tiếp phụ trách các đơn vị: Các phân x-ởng đào lò và khai thác than; Phân x-ởng vận tải ; Phân x-ởng xây dựng

*** Phó giám đốc phụ trách An toàn**

Trực tiếp phụ trách các đơn vị: Phòng kỹ thuật An toàn; Bộ phận Đo khí thuộc phân x-ởng Thông gió Đo khí.

*** Phó giám đốc phụ trách đời sống -Tiêu thụ**

Giúp việc giám đốc Công ty

Trực tiếp phụ trách các đơn vị: Phân x-ởng phục vụ đời sống; Phòng tiêu thụ - KCS...

*** Phó Giám đốc Cơ điện**

Giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo các công tác sau : Chủ trì Công tác cơ điện ở phòng Cơ điện và các phân x-ởng; Quản lý, sửa chữa, xe máy thiết bị

Trực tiếp phụ trách: Phòng cơ điện; Phân x-ởng Cơ khí; Phân x-ởng ô tô

*** Kế toán tr-ởng Công ty.**

- Giúp giám đốc Công ty điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham m- u giúp giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm tr-ớc giám đốc Công ty về các công việc thuộc lĩnh vực kế toán tr-ởng quản lý, gồm: công tác Thống kê, Kế toán, Tài chính, Thực hiện đầy đủ pháp lệnh kế toán tr-ởng, pháp lệnh thống kê và chức năng giám sát nhà n-ớc tại Công ty **đồng thời** giúp giám đốc Công ty công tác quản trị chi phí và trực tiếp phụ trách phòng Tài chính – kế toán – Thống kê.

***Các phòng:**

+ **Phòng kỹ thuật công nghệ:** Với chức năng và nhiệm vụ chính là chịu trách nhiệm lập các thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công, biện pháp thi công ... các hạng mục công trình

+ **Phòng trắc địa - địa chất:** Với chức năng và nhiệm vụ chính là chịu trách nhiệm dẫn h- ởng và cập nhật các đ- ờng lò, các diện sản xuất của Công ty, quản lý tài nguyên, môi tr-ởng, danh giới mỏ.

+ **Phòng Đầu t- xây dựng cơ bản:** Với chức năng và nhiệm vụ chính là chịu trách nhiệm lập các kế hoạch đầu t- các dự án ngắn và dài hạn của Công ty, lập dự toán

chi tiết các công trình hầm lò, mặt bằng theo hạng mục các công trình đầu t- ...

+ **Phòng Thông Gió** : Với chức năng tham m- u giúp Giám đốc Công ty trong công tác quản lý thông gió mở đảm bảo vi khí hậu mở cho hoạt động sản xuất của tất cả các phân x- ởng hầm lò theo đúng quy phạm an toàn, quy định của Tập đoàn than – Khoáng sản Việt Nam, các quy định của Công ty than Uông Bí và của Công ty để thực hiện sản xuất an toàn và hiệu quả.

+ **Phòng cơ điện** : Tham m- u giúp giám đốc trong công tác quản lý và vận hành các thiết bị và cơ điện.

+ **Phòng Chỉ đạo sản xuất**: Có chức năng thừa lệnh giám đốc chỉ đạo điều hành các hoạt động sản xuất trong toàn Công ty đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch của cấp trên giao và kế hoạch điều hành của Công ty.

+ **Phòng an toàn**: Có nhiệm vụ giúp giám đốc Công ty kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ về vệ sinh và an toàn trong lao động và phòng chống cháy nổ, tham m- u cho giám đốc các giải pháp kỹ thuật để đảm bảo về mặt an toàn, bảo hộ lao động cho ng- ời công nhân, h- ớng dẫn thực hiện các quy trình quy phạm để phòng tránh và cả khi xảy ra sự cố.

+ **Phòng Tiêu thụ - KCS**: Phụ trách công tác kiểm tra chất l- ợng sản phẩm, cùng với phòng điều hành chỉ đạo việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty theo đúng kế hoạch tiêu thụ của Công ty đảm bảo đúng số l- ợng và chất l- ợng hàng theo yêu cầu.

+ **Phòng kế hoạch vật t-** : Có nhiệm vụ tổng hợp và xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ từng tháng từng quý, Lập các kế hoạch mua sắm vật t- trang thiết bị, phối hợp cùng các phòng chức năng tiến hành xây dựng kế hoạch giá thành từng tháng từng quý và cả năm, và tham m- u với giám đốc xây dựng quy chế khoán chi phí sản xuất cho từng đơn vị mục đích tăng sản l- ợng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm và Cùng với các phòng ban tổ chức nghiệm thu sản phẩm hàng tháng của các đơn vị trong toàn Công ty.

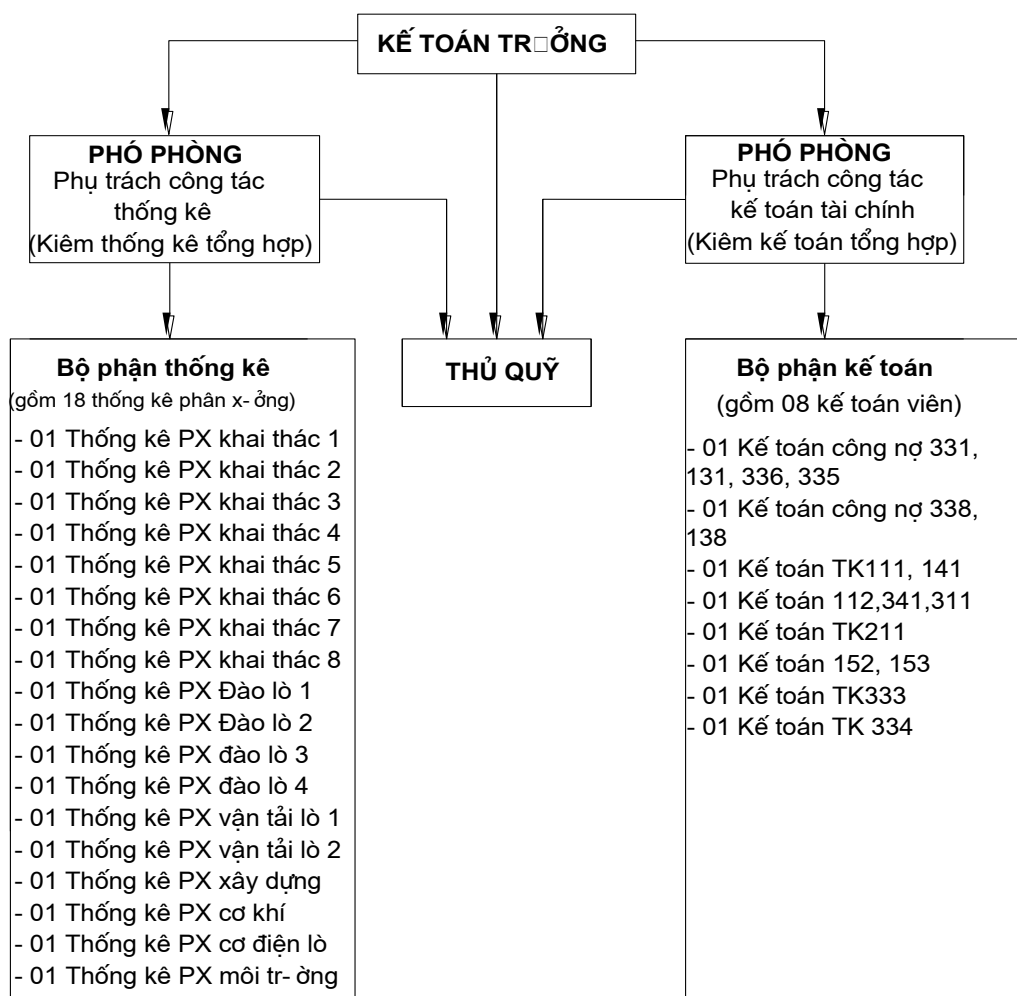
+ **Phòng Tài chính -Kế toán -Thống kê**: Chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động tài chính, công tác hạch toán kế toán thống kê trong toàn Công ty theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê của nhà n- ớc, tham m- u giúp Giám đốc Công ty về các vấn đề tài chính nh- : Đầu t-, vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả, kiểm kê tài sản, kế hoạch về sản l- ợng, doanh thu, tiền l- ợng ...

+ **Văn phòng giám đốc** : Quản lý và điều hành các công việc của văn phòng,

đảm bảo liên tục các thông tin đa chiều và các loại công văn giấy tờ đến tận các Phòng ban, Phân x- ởng.

6. Đặc điểm tổ chức của bộ máy kế toán

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái



* Chức năng, nhiệm vụ của từng phân hành: Thống kê - Kế toán:

a Kế toán tr- ởng:

Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung công tác tài chính, kế toán, thống kê theo chức năng, nhiệm vụ đ- ợc Giám đốc Công ty giao và theo sự chỉ đạo về mặt chuyên môn nghiệp vụ của Kế toán tr- ởng Công ty và Luật kế toán, Luật thống kê và các quy định liên quan đến kế toán, tài chính, thống kê. Trực tiếp phụ trách công tác tài chính.

b. Phó phòng phụ trách công tác kế toán:

Giúp Kế toán tr- ởng chỉ đạo trực tiếp công tác kế toán, trực tiếp làm các công việc chủ yếu sau: Kế toán tổng hợp chi phí, giá thành, xác định kết quả kinh doanh, kế

toán thu nhập khác, kế toán doanh thu + Kế toán các quỹ của Xí nghiệp, kế toán công nợ phải trả cho ng-ời bán, trực tiếp làm kế toán thuế ,trực tiếp ký phiếu xuất kho vật t-hàng ngày cho các phân x-ởng.

c. Phó phòng phụ trách công tác thống kê :

Chịu trách nhiệm công tác thống kê tổng hợp và chỉ đạo toàn bộ tổ thống kê

d.Kế toán tổng hợp vật liệu và công cụ dụng cụ

Trực tiếp làm kế toán nguyên vật liệu, nhiên liệu, công cụ lao động 152,

e.Kế toán thanh toán, kế toán ngân hàng :

- Chịu trách nhiệm phụ trách toàn bộ phần hành liên quan đến, tiền vay ngắn hạn , vay dài hạn ngân hàng

f.Kế toán Tài sản cố định :

Chịu trách nhiệm theo dõi đầu t- XDCB, quyết toán ĐTXDCB, sửa chữa lớn tài sản cố định

g.Kế toán Công nợ :

- Chịu trách nhiệm theo dõi những nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ,Kế toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, các khoản phải trả khác ; kế toán công nợ phải thu

- Theo dõi việc thanh quyết toán các chế độ mua bán với các khách hàng...

h.Kế toán l-ong

- Trực tiếp lập bảng thanh toán l-ong, sổ l-ong doanh nghiệp khối phòng ban.

- Trực tiếp lập bảng thanh toán các chế độ: ốm đau, thai sản,... hàng tháng trình cơ quan bảo hiểm xã hội.

i. Thủ quỹ.

- Làm công tác văn th- của phòng.

Các kế toán chịu trách nhiệm l- u giữ toàn bộ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán liên quan đến nhiệm vụ đ- ợc giao.

j.Thống kê các phân x-ởng.

Chịu trách nhiệm theo dõi toàn bộ công việc của các đơn vị sản xuất, hàng tháng tiến hành đi nghiệm thu khối l- ợng sản phẩm của từng đơn vị.

7. Đặc điểm về hình thức kế toán

- Hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng là *hình thức Nhật ký chứng từ*

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh

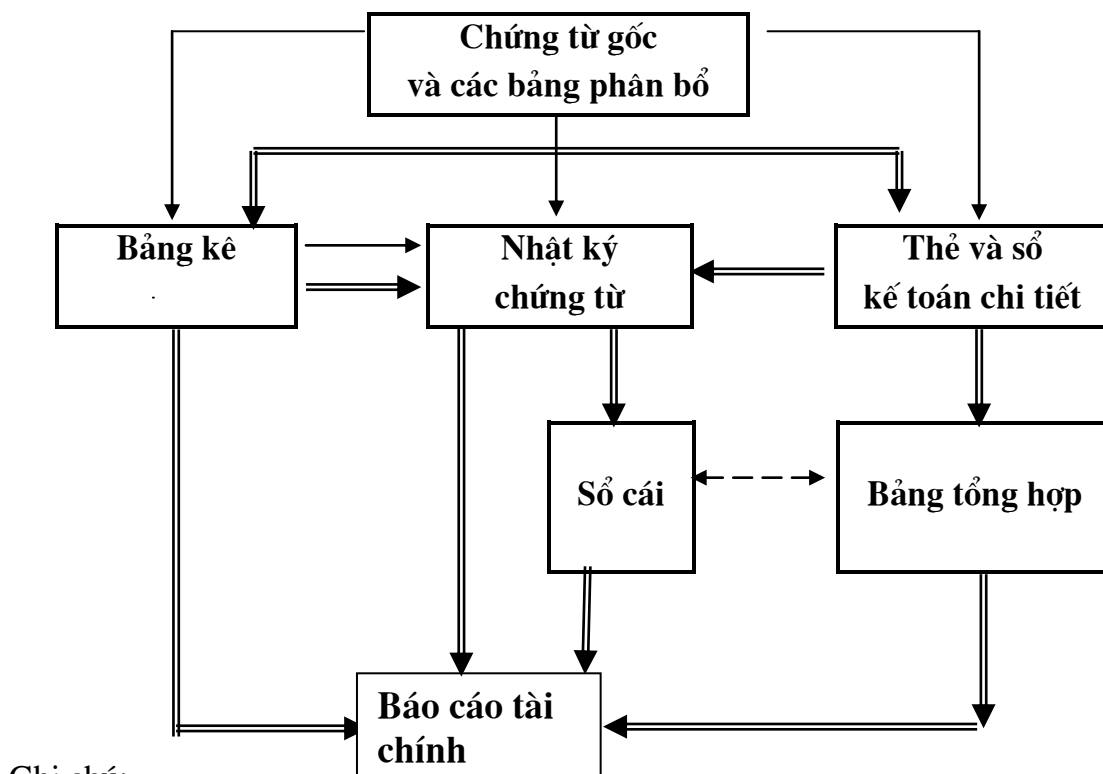
nghiệp ban hành theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam

- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chứng từ được ghi theo trình tự như sơ đồ sau:

Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán và các bảng phân bổ để kế toán vào các bảng kê và nhật ký chứng từ, đồng thời lập sổ và thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái.

- Đồng thời, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để vào sổ cái tài khoản, tổng hợp số liệu từ sổ và thẻ kế toán chi tiết để vào bảng

tổng hợp chi tiết.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán còn tiến hành đối chiếu, kiểm tra giữa sổ cái tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối quý, tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu trong Nhật kí - Chứng từ, Bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

II. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái.

1. Các mức thuế suất được áp dụng:

Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái hiện đang áp dụng mức thuế 10 %

• Đối với hàng hoá mua vào như: gỗ, máng cào, xe goòng, cáp thép, lưới thép, cặp trục bánh răng, băng tải, bu lông, đinh, dầu nhớt.....

• Các dịch vụ như: dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông và Internet, các dịch vụ tư vấn.

• Đối với hàng hoá bán ra như: Than nguyên khai, sắt thép các loại...

2. Hạch toán ban đầu.

Công ty áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hoá đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước.

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01 GTKT.

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.

- Bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ hoá đơn đặc thù khác.

Dưới đây là một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của Công ty liên quan đến thuế GTGT.

2.1. Chứng từ đầu vào :

- Ngày 18/12/2010 : Hoá đơn GTGT 0064326 do Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI cấp. Nội dung hoá đơn là bán lưới thép đen 0 2,2 mm KT lưới 50 x 50 mm, KT tấm 1.3 x5 .5 cho công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái, với giá trị chưa thuế là 175.694.805 đồng, thuế suất 10%.

- Ngày 24/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0054633 do công ty CP xuất nhập khẩu than Vinacomin cấp. Nội dung hóa đơn là bán băng tải B500 cho công ty

TNHH một thành viên Than Hồng Thái, với trị giá chưa thuế là 7.088.000.000 đồng, thuế suất 10%.

- Ngày 31 /12/ 2010: Hoá đơn GTGT số 0164270 do công ty cổ phần xăng dầu B12 cấp. Nội dung hoá đơn là bán xăng Mogas 95 – KC cho công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái., với trị giá chưa thuế là 119.398.300 đồng, thuế suất 10%.

- Ngày 31 /12 năm 2010: Hoá đơn GTGT số 0063445 do công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI cấp. Nội dung hoá đơn là giá trị xây lắp phần xây tường kê mái taluy MB+37, hạng mục chi phí bảo vệ môi trường thuộc công ty đầu tư nâng suất lên 600. 000T/năm khu Tràng Khê I, III, với trị giá chưa thuế là 189.351.447 đồng, thuế suất 10%.

VD: Ngày 17/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0236720 do Công ty CP đầu tư TM và DV TKV – XN vật tư và vận tải cấp. Nội dung hoá đơn là bán quần áo BHLĐ vải kaki Nam Định có may dải phản quang màu vàng, trước ngực và sau lưng có in tên đơn vị trước ngực trái cho Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái, với giá trị chưa thuế là 29.000.000 đồng, thuế suất 10 %.

Quy trình hạch toán

➤ Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0236720, kế toán vào bảng kê , sổ chi tiết TK 133(Biểu 2.1.1).

➤ Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết TK 133 và bảng kê , kế toán vào nhật kí chứng từ TK 133.(Biểu 2.1.2).Đồng thời cuối tháng căn cứ vào bảng kê, nhật kí chứng từ TK 133 kế toán vào sổ cái TK 133(Biểu 2.1.3)

➤ Cuối tháng từ nhật kí chứng từ, bảng kê, sổ cái tổng hợp vào báo cáo thuế.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT -3LL
MT/2010T

Liên 2: Giao cho khách hàng

0236720

Ngày 17 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng:.....	CN CTY CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV TKV - XNK VẬT TƯ & VẬN TẢI
Địa chỉ:.....	Số 4 Cù Chính Lan -Hải Phòng
Số tài khoản:.....	MST: 020017065800
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái

Số tài khoản: 546897356142

Hình thức thanh toán: CK MST: 5700591452

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
11.	Quần áo bảo hộ lao động vải kaki Nam Định	Bộ	200	145.000	29.000.000
Cộng tiền hàng:					29.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					2.900.000
Tổng cộng thanh toán					31.900.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Ba mươi một triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

Biểu 2.1.1: Hoá đơn GTGT

CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI

Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh



SỔ CHI TIẾT

TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Tháng 12 năm 2010

Số dư đầu kì: Nợ :

Có:

TT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
1	1282	01/12/2010	Thuế GTGT hoá đơn 42148	111	903.000.	
2	1287	02/12/2010	Thuế GTGT HĐ 0052366 ngày 01/11/2010	111	409.091	
3	1288	03/12/2010	Thuế GTGT HĐ 0314305 ngày 13/11/2010	111	14.545	
4	1289	30/12/2010	Thuế GTGT HĐ 0068382 ngày 17/11/2010	111	169.200	
...
124	1312	17/12/2010	Thuế GTGT HĐ 0236720	111	2.900.000	
125	1356	31/12/2010	Thuế GTGT HĐ ngày 31/12/2010	112	18.935.145	
126	1357	31/12/2010	HT bù trừ tiền thuế GTGT tháng 12/2010	33311		9.338.254.039
127	1358	31/12/2010	Bù trừ thuế GTGT đầu vào tháng 9/2010	33311		
390	0039277	Xây dựng mỏ hầm lò 2- TKV	Tiền thuê kho chứa vật liệu nổ	131		3.991.034.557
Tổng cộng					9.128.416.406	9.128.416.406

Số dư cuối kì

Nợ :

Có :

Biểu 2.1.2: Trích sổ chi tiết TK 133

CÔNG TY TNHH 1TV THAN HỒNG THÁI
 Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh



NHẬT KÍ CHỨNG TỪ TK 133
Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Năm 2010

Số dư đầu kì Nợ
 Có

Đơn vị tính: Đồng

T T	Mã	Diễn giải	Dư đầu kì		Ghi nợ TK , ghi có TK				Ghi có TK, ghi nợ TK				Dư cuối kì	
			Nợ	Có	111	112	...	Cộng nợ	3311	3312	...	Cộng có	Nợ	Có
1	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ			81.609.884	14.073.277		41.486.052.167	25.500.00 0	254.000		41.486.052.167		
Tổng cộng					81.609.884	14.073.277		41.486.052.167				41.486.052.167		

Số dư cuối kì Nợ
 Có

Biểu 2.1.3: Trích nhật kí chứng từ TK 133

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI
 Phương đông, Uông Bí, Quảng Ninh



SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Năm 2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
-	

Đơn vị tính: Đồng

Ghi có các TK ,đối ứng nợ với TK này	Tháng 10	Tháng11	Tháng12	Tổng cộng	
111	6.510.298	7.027.237	10.891.470	81.609.884	
112	...	2.971.421	4.448.354	4.833.443	29.893.113	
141	...	13.043.189	8.527.259	20.945.746	119.033.207	
331	...	3.305.214.142	3.319.621.681	7.695.020.374	38.235.700.081	
333	...	1.153.810	1.088.104.157	1.373.928.430	2.997.018.876	
338				22.797.006	22.797.006	
Cộng phát sinh	Nợ	..	3.328.892.860	4.427.768.679	9.128.416.406	41.486.052.167
	Có	...	3.328.892.860	4.427.768.679	9.128.416.406	41.486.052.167
Dư cuối tháng	Nợ	...			-	
	Có				

Biểu 2.1.4: Trích sổ cái TK 133

2.2 Chứng từ đầu ra :

- Ngày 29/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0014292 do Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái cung cấp . Nội dung hoá đơn là than nguyên khai tháng 12/ 2010, hàng tiêu dùng nội bộ phục vụ sản xuất kinh doanh không thu tiền, với giá trị chưa thuế là 36.777.707 đồng, thuế suất 10%.

Qui trình hạch toán:

➤ Hàng ngày, căn cứ vào HĐGTGT số 0014292 (Biểu 2.2.1) kế toán vào bảng kê xuất và sổ chi tiết TK 3331 (Biểu 2.2.2).

➤ Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê xuất và sổ chi tiết TK 3331 kế toán vào nhật kí chứng từ TK 333.(Biểu 2.2.3). Đồng thời căn cứ vào bảng kê và nhật kí chứng từ kế toán vào sổ cái TK 333(Biểu 2.2.4).

➤ Cuối tháng từ nhật kí chứng từ, bảng kê, sổ cái tổng hợp vào báo cáo thuế.

Trường ĐHDL Hải Phòng

**TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN
VIỆT NAM**

Lê Duẩn Đống Đa Hà Nội

Mã số thuế: 5700100256

TKV

HOÁ ĐƠN (GTGT)

(Dùng trong nội bộ
Tập đoàn các công ty
TKV)

Liên 3: Dùng nội bộ

Ngày 30 tháng 12
năm 2010

Mẫu số : 01 GTKT – 3LL

Được sử dụng theo CV số
:2408/CT - AC

Ngày 13/3/2006 của cục thuế TP
Hà Nội

Kí hiệu: AA/2010 T

Số : 0014292

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI
Địa chỉ:.....	Phương Đông – Uông Bí - Quảng Ninh
Số tài khoản:.....	MST: 5700591452
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái

Số tài khoản: 546897356142

Hình thức thanh toán: CK MST: 5700591452

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT (Đồng)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
11.	Than nguyên khai tháng 12 năm 2010(Hàng tiêu dùng phục vụ sxkd)	Tấn	86,7	424.195	36.777.707
Cộng tiền hàng:					36.777.707
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		3.677.771
Tổng cộng thanh toán					40.455.478
Số tiền viết bằng chữ : <i>Bốn mươi triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn, bốn trăm bảy mươi tám đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

BIỂU 2.2.1 : Trích HĐGTGT

CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI

Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh



**SỔ CHI TIẾT TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
Tháng 12 năm 2010**

Số dư đầu kì: **Nợ**

Có: 4.618.165.673

TT	Số hoá đơn	Ngày hoá đơn	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
1	0039256	22/12/2010	Nộp thuế GTGT tháng 11/2010	112	6.512.072.944.	
2	0039257	29/12/2010	Thuê kho chứa vật tư	131		880.000
...
345	0014291	30/12/2010	Than nguyên khai	131		5.756.196.480
235	0014292	18/12/2010	Than dùng nội bộ	1331		3.677.771
236	2676	31/12/2010	Thuế GTGT HĐ 0039260	112		51.084.252
237	2677	31/12/2010	Sắt thép phế liệu thu hồi	1331		14.194.000
390	0039277	Xây dựng mỏ hầm lò 2- TKV	Tiền thuê kho chứa vật liệu nổ	131		8.220.000
Tổng cộng					74.013.810.615	80.815.268.843

Số dư cuối kì **Nợ:**

Có :11.419.623.901

Biểu 2.2.2: Trích sổ chi tiết TK 3331

CÔNG TY TNHH 1TV THAN HỒNG THÁI
 Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh



NHẬT KÍ CHỨNG TỪ TK 333
Tài khoản 333: Thuế GTGT đầu ra
Năm 2010

Số dư đầu kì **Nợ**
Có :19.115.742.217

Đơn vị tính: Đồng

TT	Mã	Diễn giải	Dư đầu kì		Ghi nợ TK , ghi có TK			Ghi có TK, ghi nợ TK			Dư cuối kì	
			Nợ	Có	133	..	Cộng nợ	336	811	Cộng có	Nợ	Có
1	3331	VAT đầu ra		4.618.165.673	41.460.298.167		74.013.810.615	1.301.992.339	22.802.531	80.815.268.843		11.419.623.901
....
Tổng cộng				19.115.742.217	14.073.277		41.486.052.167			36.490.223.627		

Số dư cuối kì **Nợ**
Có 36.400.223.627

Biểu 2.2.3: Trích nhật kí chứng từ TK333

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI
Phương đông, Uông Bí, Quảng Ninh



SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 333 - Thuế GTGT phải nộp.
Năm 2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
-	

Đơn vị tính: Đồng

Ghi có các TK ,đối ứng nợ với TK này		Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng
111		690.685.955	4.659.295.840	10.680.452.280	80.531.541.786
112		...	3.612.953.951	4.427.514.679	9.128.416.406	41.460.298.167
338		...				6.503.705.320
711		...				2.435.117
Cộng phát sinh	Nợ	..	4.303.639.906	9.086.810.519	19.808.868.686	128.497.980.390
	Có	...	9.395.264.789	17.679.956.488	12.958757.758	145.782.461.800
Dư cuối tháng	Nợ	...				
	Có	4.657.188.586	13.250.334.555	36.400.223.627	36.400.223.627

Biểu 2.2.4: Trích sổ cái TK 333

3. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng

3.1. Một số quy định chung :

3.1.1. Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

3.1.2. Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

- [01] : Kỳ tính thuế : tháng 12 năm 2010
- [02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái
- [03] : Mã số thuế : 5700591452
- [04] : Địa chỉ trụ sở : Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh
- [05] : Quận/huyện : Uông Bí
- [06] : Tỉnh/thành phố : Quảng Ninh
- [07] : Điện thoại : 0313676520
- [08] : Fax : 0313676453
- [09] : Email : Congtytnhh1tvthanhongthai@gmail.com

3.1.3. Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

3.1.4. Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

3.2. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT)

A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào

các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11]

-[11] : 0

C- kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ”

- **Mã số [12]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

-[12] : 93.021.619.169

- **Mã số [13]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

-[13] : 9.237.675.321

2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước”

- **Mã số [14]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ.

-[14] : 93.021.619.169

- **Mã số [15]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

-[15] : 9.237.675.321

3. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu”

- **Mã số [16]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)

-[16] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [17]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ.

-[17] : Không phát sinh trong kỳ

4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”.

- **Mã số [18], [20]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[18] [20] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [19], [21]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[19] [21] : Không phát sinh trong kỳ

5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”

- **Mã số [22]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

-[22] : 9.237.675.321

6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

-[23] : 9.237.675.321

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ”

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

-[24] : 192.688.505.263

- **Mã số [25]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số

này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

-[25] : 19.268.850.498

2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- **Mã số [26]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

-[26] : Không phát sinh trong kỳ

3. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

-[27] : 192.688.505.263

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

-[28] : 19.268.850.498

4. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"

- **Mã số [29]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

-[29] : Không phát sinh trong kỳ

5. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :

- **Mã số [30]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

-[30] : Không phát sinh.

- **Mã số [31]**: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

-[31] : Không phát sinh.

6. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :

- **Mã số [32]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

-[32] : 192.688.505.263

- **Mã số [33]** : Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

-[33] : 19.268.850.498.

7. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước” :

- **Mã số [34], [36]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

-[34] [36] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [35], [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

-[35] [37] : Không phát sinh trong kỳ

8. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra” :

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[38] = [24] + [34] - [36]$$

- [38] : 192.688.505.263

- **Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

-[39] : 19.268.850.498

III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:

- **Mã số [40]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu [39] = 0 thì phải ghi số “0” vào kết quả.

-[40] : 10.031.175.177

2. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”:

- **Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi chỉ tiêu [40].

-[41] : Không phát sinh

3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này ”

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

-[42] : Không phát sinh

4. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- **Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

-[43] : Không phát sinh.

4. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán:

4.1. Tài khoản sử dụng :

TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

TK 1331 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ

TK 13311 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ có hoá đơn

TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng

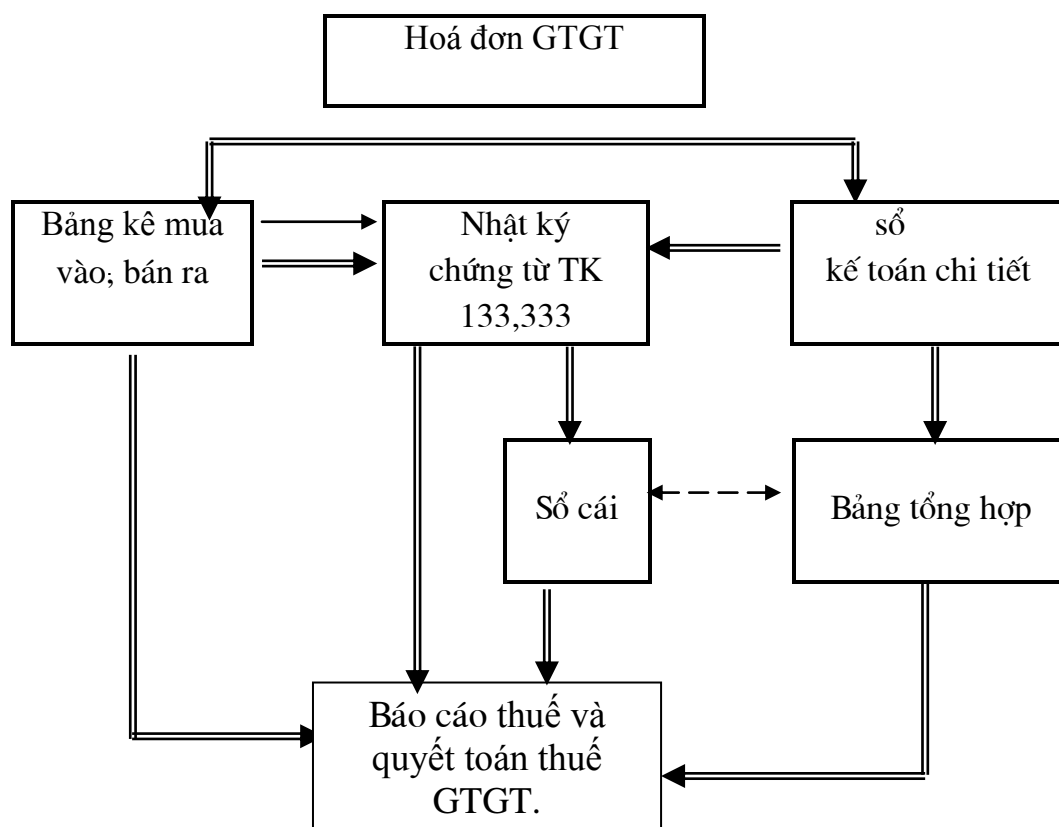
TK 33311 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chứng từ
- Sổ cái tài khoản theo ngày TK 133, TK 3331
- Sổ cái tài khoản tổng hợp TK 133, TK 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 133, TK 3331

4.2. Sơ đồ hạch toán :

Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- >> Đối chiếu, kiểm tra

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào bảng kê, các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, kế toán tiêu thụ sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng (GTGT) để vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, kế toán ngân hàng sẽ tiến hành vào sổ công nợ, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi Ngân hàng sau đó chuyển hoá đơn đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 3331. Khi có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho để vào sổ chi tiết vật liệu, kế toán chi phí sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh,

và các bộ phận kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu chi để vào sổ chi tiết thanh toán, sổ quỹ tiền mặt... sau đó hoá đơn GTGT được chuyển đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 133...

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tất cả được phản ánh vào sổ chi tiết và bảng kê. Cuối tháng, kế toán vào nhật ký chứng từ căn cứ vào sổ chi tiết và bảng kê.

Trích bảng kê mua vào, bán ra và tờ khai thuế GTGT.

PHẦN III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI

I. Yêu cầu của việc hoàn thiện :

1. Hoàn thiện phải phù hợp với chế độ chính sách và chuẩn mực kế toán :

Nhà Nước ta luôn tạo điều kiện thuận lợi, đối xử công bằng đối với tất cả các doanh nghiệp, bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh không đúng pháp luật thì đều bị xử phạt nghiêm minh. Nếu như doanh nghiệp thực hiện đúng theo những qui định, hướng dẫn của Nhà Nước thì đương nhiên là sẽ được hưởng ưu đãi trong mọi lĩnh vực. Chính vì vậy yêu cầu của công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của Nhà Nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những qui định của Bộ Tài Chính trong việc sử dụng, ghi chép hoá đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm theo đúng những qui định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT phải theo hướng phù hợp với chế độ chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà Nước

2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp :

Việc hoàn thiện nếu không đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp thì sẽ mất đi ý nghĩa chủ quan của nó, về mặt lý thuyết nếu thiếu bất kỳ một ý nghĩa nào thì không được coi là hoàn thiện. Thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Công việc quản lý của người chủ là đề ra mục tiêu, xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu đó.

Tuỳ theo từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề kinh doanh khác nhau, triết lý kinh doanh của người chủ doanh nghiệp khác nhau thì cách thức quản lý tại

từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bởi vì bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đã bước chân vào thương trường thì đều đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh.

Do đó việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp nói chung và tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái nói riêng không chỉ phải phù hợp với chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán của Nhà Nước mà phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

II. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái:

1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái :

Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những qui định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

****/ Về ưu điểm:***

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định. Riêng bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào tháng 12/2010 có một vài hoá đơn chứng từ của tháng 11/2010 điều này là hoàn toàn hợp lý bởi theo Luật thuế hiện hành nếu

chưa có đầy đủ hoá đơn chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 11 vào bảng kê của tháng 12 là vẫn nằm trong thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, tại Công ty đã có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức thuận lợi và mang tính khách quan.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Cụ thể là:

****/ Về hạn chế:***

- Khi hoá đơn bán ra có sự sai sót phải huỷ hoá đơn, trong trường hợp hoá đơn viết sai đã bị xé ra khỏi cuống, khi huỷ hoá đơn doanh nghiệp chưa tiến hành lập biên bản huỷ hoá đơn có chữ kí của hai bên.

- Khi phát sinh nghiệp vụ bán lẻ hàng hoá dịch vụ, doanh nghiệp đã không tiến hành lập bảng kê bán lẻ hàng hoá dịch vụ đồng thời không xuất hoá đơn để tránh việc kê khai doanh thu và thuế đầu ra. Ngoài ra, đối với những trường hợp công ty mua hàng không có hoá đơn chứng từ mà chỉ cần bảng kê khai (hầu như không có giá trị pháp lý) thì được khấu trừ không theo tỷ lệ nhất định (trừ một số hàng hoá không được khấu trừ không theo Nghị định 108/2002/NĐ-CP ngày 25/12/2002 của Chính Phủ). Vì vậy, đưa đến một mâu thuẫn là trong một số trường hợp số thuế đầu vào không có thật thì được khấu trừ, một số trường hợp khác là số thuế đầu vào có thật thì không được khấu trừ hoặc chỉ được khấu trừ một phần.

- Giá cả và số lượng khi xuất hoá đơn bán hàng ghi trong liên lưu nhỏ hơn liên giao.

- Khi kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hoá đơn không đủ điều kiện khấu trừ như:

+ Một số hoá đơn đầu vào có giá trị trên 20 triệu nhưng doanh nghiệp không tiến hành thanh toán qua ngân hàng. Điều này trái với quy định của luật

thuế.

+ Trường hợp nữa là trong một ngày công ty nhận được nhiều hoá đơn của cùng một doanh nghiệp, tổng số tiền trên 20 triệu doanh nghiệp cũng không tiến hành thanh toán qua ngân hàng.

- Doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc quản lý và bảo quản hoá đơn.

- Trong thực tế, công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra.

- Thiếu đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và tờ khai thuế. Dẫn đến số liệu không khớp(trong tháng 3 số liệu không hề khớp với bảng kê, khi ta lấy số dư đầu kỳ của TK 133 trừ đi số dư đầu kỳ của TK 3331 là $2.879.338.435 - 1.932.607.039 = 946.731.396$ và số dư cuối kỳ của TK 133 trừ đi số dư cuối kỳ của TK 3331 là $3.156.285.649 - 2.207.936.381 = 948.349.268$; như vậy là lệch mất 2.079.021 so với tờ khai thuế.

- Doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc quản lý và bảo quản hoá đơn.

- Trong thực tế, công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra.

2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái :

Từ những hạn chế nói trên tôi xin đưa ra một vài kiến nghị sau:

➤ Kiến nghị 1: Kiến nghị về việc huỷ hoá đơn.

Khi huỷ hoá đơn trường hợp đã xé khỏi cuống giao cho khách hàng thì doanh nghiệp phải xin lại hoá đơn đồng thời phải lập biên bản huỷ hoá đơn có chữ kí giữa hai bên. Mẫu biên bản như sau:

CÔNG TY TNHH 1TV THAN HỒNG
THÁI

Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

----- o0o -----

BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2010, tại văn phòng công ty TNHH 1 TV Than Hồng Thái, địa chỉ: Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty TNHH 1TV Than Hồng Thái.

Địa chỉ : Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh

Mã số thuế : 5700591452

Do Ông/Bà : Vũ Bá Trường, Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện

BÊN B: Công ty TNHH 1TV Than Uông Bí Vinacomin

Địa chỉ : Trung Vương, Uông Bí, Quảng Ninh

Mã số thuế : 5700106785

Do Ông (Bà): Dương Quang Lai., Chức vụ: Kế toán trưởng, làm đại diện

Hai bên cùng nhau xác nhận sự việc như sau:

Bên A có xuất cho bên B hóa đơn ký hiệu :AA/2010 T. số 0014235 ngày 7/12/2010., do nhầm lẫn, bên A đã ghi xuất sai giá bán nên bên A đã viết lại hóa đơn khác thay thế. Hóa đơn viết lại có ký hiệu AA/2010 T số 0014248 ngày 15/12/2010. đồng thời bên A tiến hành thu hồi và hủy hóa đơn đã viết sai.

Nay hai bên cùng nhau xác nhận việc hủy hóa đơn đã nêu trên.

Biên bản được lập thành 2 bản, bên A giữ 1 bản, bên B giữ 1 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

➤ **Kiến nghị 2: Kiến nghị về việc theo dõi thuế đầu ra trong trường hợp bán lẻ:**

Tất cả các hoạt động bán lẻ hàng dưới 200 nghìn mặc dù không viết hoá đơn kế toán thuế đều phải vào bảng kê bán lẻ để phản ánh doanh thu và ghi nhận thuế giá trị gia tăng đầu ra.

➤ **Kiến nghị 3: Kiến nghị về việc thanh toán.**

Tất cả các hoá đơn có giá trị trên 20 triệu đồng đều phải thanh toán qua ngân hàng để tránh tình trạng không được khấu trừ thuế. Trường hợp doanh nghiệp đã thanh toán bằng tiền mặt thì doanh nghiệp phải tiến hành điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trên tờ khai và trên sổ chi tiết TK 133.

➤ **Kiến nghị 4: Kiến nghị về việc quản lý và sử dụng hoá đơn.**

Cơ quan thuế quản lý tình hình sử dụng hoá đơn thông qua báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn theo quý. Do đó, để đảm bảo cho việc quản lý được thực hiện một cách tốt nhất hoá đơn doanh nghiệp phải lập báo cáo một cách chính xác.

➤ **Kiến nghị 5: Kiến nghị về việc đối chiếu giữa sổ chi tiết TK 133 và 3331 với tờ khai.**

Cần có sự đối chiếu sát sao giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và Tờ khai thuế, tránh trường hợp không khớp về số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán viên cần kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ. Việc đối chiếu kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các mẫu bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 13311 và TK 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
Dư đầu kỳ										
T1/2010										
T2/2010										
T3/2010										
.....										
T9/2010										
T10/2010										
T12/2010										
Cộng										

Số còn được khấu trừ :

Chênh lệch :

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 511

Kê khai			Chênh lệch		Tờ khai		
Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất	Doanh thu	VAT đầu ra	Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất

- Trong thực tế, công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra. Việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hoá đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn đối với hoá đơn đầu ra khi không được phép kê khai bổ sung mà phải làm làm các tờ khai điều chỉnh theo các mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.

Phụ lục 01-3/GTGT

STT	Kỳ tính thuế được khai bổ sung	Ngày lập tờ khai bổ sung	Số thuế GTGT điều chỉnh tăng	Số thuế GTGT điều chỉnh giảm
1	1/2010		0	0
Tổng cộng			0	0

- Ngoài ra trong nhiều trường hợp, khi mua bán hàng qua điện thoại; kế toán cần đến tận nơi lấy hoá đơn, hoặc phải so sánh đối chiếu với các hoá đơn đã có để tránh lấy phải hoá đơn giả do bên bán cung cấp. Đồng thời tránh được việc số tiền trên các liên hoá đơn không khớp nhau do bên bán làm giả hoá đơn để tránh được doanh thu và thuế GTGT đầu ra. Ngược lại khi bán hàng cho khách hàng ở xa thiếu chữ ký của người mua hàng ta cần đóng dấu “ Bán hàng qua điện thoại “ vào hoá đơn. Việc này hiện nay rất nhiều doanh nghiệp bán lẻ đã thực hiện.

➤ **Kiến nghị 6: Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.**

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

KẾT LUẬN

Thuế giá trị gia tăng luôn là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp. Luật thuế GTGT được chính thức áp dụng tại Việt Nam vào ngày 1/1/1999 có thể được coi như một mốc quan trọng đánh dấu một bước nhảy của chế độ thuế kéo theo chế độ kế toán cũng thay đổi cho phù hợp. Thực tế cho thấy trong những năm vừa qua, Luật thuế mới này cũng đã phần nào phát huy được những tác dụng tích cực đối với nền kinh tế đất nước, nhưng những vướng mắc, khó khăn trong quá trình vận dụng nó vào điều kiện kinh doanh thực tế của doanh nghiệp thì lại tồn tại rất nhiều.

Do đó tôi chọn đề tài : “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái “ làm đề tài khoá luận. Theo tôi , đây là một đề tài mới mẻ và luôn luôn nhận được sự quan tâm rất nhiều từ các nhà quản trị của công ty TNHH một thành viên than Hồng Thái nói riêng và của các doanh nghiệp khác.

Đề tài này góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT, góp phần hoàn thiện hơn nữa chế độ kế toán Việt Nam bởi vì đề tài này không chỉ đề cập đến những vấn đề riêng có tại Công ty TNHH một thành viên than Hồng Thái mà còn đề cập đến những vấn đề chung về Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT.

Tôi đã hoàn thành xong phần nghiên cứu với những nội dung sau:

Chương I: Đưa ra được những lý luận chung về thuế GTGT.

Chương II: Mô phỏng thực trạng công tác kế toán thuế GTGT, trình tự ghi sổ sách, quy trình lập báo cáo thuế.

Chương III: Trên cơ sở thực trạng những gì doanh nghiệp đã đạt được. Nêu lên ưu nhược điểm, đưa ra những nhận xét đồng thời đề ra những biện pháp nâng cao công tác kế toán thuế GTGT tại công ty.

Phần trên là các kết quả nghiên cứu của tôi tại công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái. thời gian nghiên cứu có hạn Mong các bạn đọc góp ý thêm .

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	3
I LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GTGT	3
1. Khái niệm.	3
2. Vai trò của thuế	4
3. Vai trò của thuế GTGT trong việc lưu thông hàng hoá.....	9
4. Vai trò của thuế GTGT trong quản lý nhà nước về kinh tế.....	9
5. Cơ chế hoạt động của thuế GTGT.....	11
II Các quy định của thuế giá trị gia tăng	14
1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.....	14
2. Người nộp thuế.....	14
3. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng bao gồm:	14
4. Căn cứ và phương pháp tính thuế.....	16
Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.....	16
4.1. Giá tính thuế được quy định như sau:	16
4.2. Thuế suất	17
4.2.1. Mức thuế suất 0%:	17
4.2.2. Mức thuế suất 5%:	17
4.2.3. Mức thuế suất 10% :	19
III, Phương pháp tính thuế	19
1. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.....	19
1.1. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được quy định như sau:.....	19
1.2. Đối tượng áp dụng:	19
1.3. Xác định thuế GTGT phải nộp	19
2. Phương pháp khấu trừ thuế.....	23
2.1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:	23
2.2. Đối tượng áp dụng:	23
2.3 Công thức xác định :.....	23
2.3. Điều kiện khấu trừ thuế :	25

IV Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế	26
V.Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế	28
1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT	28
2. Nhiệm vụ kế toán thuế giá trị gia tăng	28
2.1.Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung :	28
2.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng :	30
VI Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng.	31
1. Chứng từ kế toán	31
2. Tài khoản kế toán	31
2.1 Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.	31
2.2 Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp.....	36
3. Trình tự kế toán	36
3.1 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:	36
3.1.1.Kế toán thuế GTGT đầu vào:	36
3.1.2.Kế toán thuế GTGT phải nộp.	42
3.1.2 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:	43
4. Tổ chức sổ kế toán:.....	44
PHẦN II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI	45
I.Khái quát về Công ty TNHH một thành viên than Hồng Thái.	45
1.Giới thiệu về công ty :	45
2. Vài nét tóm tắt về công ty :	45
3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty :	45
4. Tổ chức nhân sự:.....	45
5. Tổ chức bộ máy quản lý :	46
6. Đặc điểm tổ chức của bộ máy kế toán.....	50
7. Đặc điểm về hình thức kế toán	51
II. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái.	53
1. Các mức thuế suất được áp dụng:.....	53

2. Hạch toán ban đầu.	53
2.1.Chứng từ đầu vào :	53
2.2 Chứng từ đầu ra :	59
3.Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng.....	64
3.1.Một số quy định chung :	64
3.1.1.Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:	64
PHẦN III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN HỒNG THÁI	72
I. Yêu cầu của việc hoàn thiện :	72
1. Hoàn thiện phải phù hợp với chế độ chính sách và chuẩn mực kế toán :	72
2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp :	72
II. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái:	73
1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái :	73
2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Than Hồng Thái :	75
KẾT LUẬN	81